|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **BÁO GIẢNG: TUẦN 12 (TỪ NGÀY 20/11/2023 ĐẾN NGÀY 24/11/2023)** | | | | | | | |
| **THỨ** | **TIẾT** | | **MÔN** | **TIẾT THỨ** | **NỘI DUNG BÀI DẠY** | **ƯDCNTT** | **ĐỒ DÙNG  DẠY HỌC** |
| **Hai 20/11** | **S** | 1 | **GDTT** |  | VHGT. Bài 2: Đi xe đạp qua ngã ba, ngã tư |  | Máy tính, tivi |
| 2 | **Toán** | 56 | Nhân một số thập phân với một số thập phân | Soi bài | Máy tính, tivi, máy soi |
| 3 | **Tập đọc** | 23 | Mùa thảo quả | Chiếu tranh | Máy tính, tivi |
| 4 | **Đạo đức** | 12 | Kính già yêu trẻ (Tiết 1) | Chiếu tranh | Máy tính, tivi |
| **C** | 5 | **Khoa học** | 23 | Sắt, gang, thép. | Chiếu tranh | Máy tính, tivi |
| 6 | **T (BS)** |  | Luyện toán | Soi bài | Máy tính, tivi |
| 7 | **Thể dục** | 23 | Ôn 5 động tác của bài thể dục - Trò chơi: “Ai nhanh và khéo hơn?”. |  | Còi, sân tập. |
| 8 |  |  |  |  |  |
| **Ba 21/11** | **S** | 1 | **Tiếng Anh** | 23 | Unit 7: How do you learn English? (Lesson 3) |  |  |
| 2 | **Toán** | 57 | Luyện tập | Soi bài | Máy tính, tivi, máy soi |
| 3 | **Chính tả** | 11 | (Nghe- viết) Mùa thảo quả | Soi bài | Máy tính, tivi, máy soi |
| 4 | **LTVC** | 23 | Mở rộng vốn từ: Bảo vệ môi trường | Soi bài | Máy tính, tivi, máy soi |
| **C** | 5 | **Lịch sử** | 12 | Vượt qua tình thế hiểm nghèo. | Chiếu tranh | Máy tính, tivi |
| 6 | **TV (BS)** |  | Luyện Tiếng Việt | Soi bài | Máy tính, tivi, máy soi |
| 7 | **Thể dục** | 24 | Ôn 5 động tác của bài thể dục - Trò chơi: “Kết bạn”. |  | Còi, sân tập. |
| 8 |  |  |  |  |  |
| **Tư 22/11** | **S** | 1 | **Toán** | 58 | Luyện tập | Soi bài | Máy tính, tivi, máy soi |
| 2 | **Âm nhạc** | 12 | Học hát: Ước mơ |  |  |
| 3 | **Kể chuyện** | 12 | Kể chuyện đã nghe, đã đọc | Chiếu tranh | Máy tính, tivi. |
| 4 | **Tập đọc** | 24 | Hành trình của bầy ong | Chiếu tranh | Máy tính, tivi |
| **C** | 5 | **Kĩ thuật** | 12 | Cắt, khâu, thêu tự chọn (T.1) | Chiếu tranh | Máy tính, tivi |
| 6 | **T (BS)** |  | Luyện toán | Soi bài | Máy tính, tivi, máy soi |
| 7 | **TH (TV)** |  | Ôn tập | Soi bài | Máy tính, tivi, máy soi |
| 8 |  |  |  |  |  |
| **Năm 23/11** | **S** | 1 | **Tiếng Anh** | 24 | Unit 8: what are you reading? (Lesson 1) |  |  |
| 2 | **Toán** | 59 | Luyện tập chung | Soi bài | Máy tính, tivi, máy soi |
| 3 | **TLV** | 23 | Cấu tạo của bài văn tả người | Soi bài | Máy tính, tivi, máy soi |
| 4 | **LTVC** | 24 | Luyện tập về quan hệ từ | Soi bài | Máy tính, tivi, máy soi |
| **C** | 5 | **Địa lí** | 12 | Công nghiệp. | Chiếu tranh | Máy tính, tivi |
| 6 | **TV (BS)** |  | Luyện Tiếng Việt | Soi bài | Máy tính, tivi, máy soi |
| 7 | **GDTT** |  | Sinh hoạt lớp |  |  |
| 8 |  |  |  |  |  |
| **Sáu 24/11** | **S** | 1 | **Toán** | 60 | Luyện tập chung | Soi bài | Máy tính, tivi, máy soi |
| 2 | **Mĩ Thuật** | 12 | Chủ đề 5: Trường em (Tiết 2) |  |  |
| 3 | **TLV** | 24 | Luyện tập tả người (Quan sát, chọn lọc chi tiết) | Soi bài | Máy tính, tivi, máy soi |
| 4 | **Khoa học** | 24 | Đồng và hợp kim đồng | Chiếu tranh | Máy tính, tivi |
| **C** | 5 |  |  |  |  |  |
| 6 |  |  |  |  |  |
| 7 |  |  |  |  |  |
| 8 |  |  |  |  |  |

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY TUẦN 12**

**Thứ Hai ngày 20 tháng 11 năm 2023**

Tiết 1 **GIÁO DỤC TẬP THỂ**

**Giáo dục văn hóa giao thông**

**Bài 2: An toàn khi đi xe đạp qua cầu đường bộ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- HS biết được một số điều cần lưu ý để đảm bảo an toàn khi đi xe đạp qua cầu đường bộ.

**2. Năng lực:** HS biết cách đi xe đạp an toàn khi qua cầu đường bộ

**3. phẩm chất:** HS thực hiện và nhắc nhở bạn bè, người thân những điều cần lưu ý để đảm bảo an toàn khi đi xe đạp qua cầu đường bộ

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**: Tranh ảnh trong SGK, Sách Văn hóa giao thông. TV, MT.

**2. Học sinh**: Sách Văn hóa giao thông, bảng con.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)  - GV mở video  + Khi đi xe đạp trên đường, muốn rẽ trái hoặc rẽ phải em cần làm gì?  + Em hãy chọn câu trả lời đúng nhất cho câu hỏi sau:  + Khi đi xe đạp qua ngã ba, ngã tư,…em cần lưu ý điều gì?  - GV giới thiệu bài: An toàn khi đi xe đạp qua cầu đường bộ.  **2. Bài mới:** (30- 32’)  ***a. Hoạt động trải nghiệm***  - GV nêu câu hỏi:   + Em đã bao giờ đi xe đạp qua cầu đường bộ chưa?  + Khi đi xe đạp qua cầu đường bộ, em đã đi như thế nào?  ***b. Hoạt động cơ bản***: Đi xe đạp an toàn qua cầu đường bộ.  - Yêu cầu 1 HS đọc truyện: Đừng đua xe đạp trên cầu  (tr 8,9)  + Trên đường đến nhà Hòa, Long đã đề nghị các bạn làm gì?  + Khi bắt đầu cuộc đua, Long, Hải và Đức đã đạp xe như thế nào?  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi (thời gian: 3 phút) 2 câu hỏi sau:  + Vì sao Long, Hải và Đức hốt hoảng, tấp xe vào sát bên phải đường?  + Khi đạp xe qua cầu đường bộ, chúng ta phải đi như thế nào cho an toàn?  - NX, tuyên dương các nhóm có câu trả lời tốt.  \* GV chốt:  Đạp xe qua cầu             Đừng đùa với bạn  Phải đi hàng một          Rồi lấn sang hàng  Nếu mà muốn tốt           Hoặc dàn hàng ngang  Em đừng đạp đua           Gây ra tai nạn  Đừng vì thắng thua         Hãy nên nhắc bạn  Quên đi tính mạng          Đừng đua trên cầu.  ***c. Hoạt động thực hành:***  - Yêu cầu HS quan sát 5 hình trong SGK (kết hợp xem trên màn hình)  - Đưa ra yêu cầu bài tập.  - Yêu cầu HS làm vào SGK bằng bút chì.  - Gọi HS trình bày kết hợp hỏi : Em sẽ nói gì để ngăn cản các bạn có hành động sai?  - Cho HS đối chiếu với kết quả trên màn hình.  \* GV chốt: Khi qua cầu đường bộ, em cần đi chậm, quan sát cẩn thận và tuyệt đối không được đùa nghịch.  ***d. Hoạt động ứng dụng***  - GV nêu tình huống và 2 câu hỏi:  + Nếu là Mai, em có đồng ý không? Tại sao?  + Theo em, ở tình huống này, Mai nên hành động như thế nào?  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 trả lời 2 câu hỏi và đóng vai giải quyết tình huống đặt ra.  - GV nhận xét, tuyên dương các nhóm.  **3. Củng cố, dặn dò:** (2- 3’)  + Khi đi qua cầu đường bộ, em cần lưu ý điều gì để đảm bảo an toàn?  - GV nhận xét, nhắc nhở  HS thực hiện tốt nội dung bài học.  - Dặn dò HS chuẩn bị bài sau. | - HS khởi động  - HS trả lời cá nhân.    - HS chọn câu trả lời đúng và ghi vào bảng con.          - HS lắng nghe.    - HS lắng nghe và chia sẻ trải nghiệm của bản thân.            - 1 HS đọc truyện - cả lớp theo dõi trong SGK.  - HS trả lời.        - HS thảo luận nhóm, đại diện các nhóm trả lời.          - HS lắng nghe, nhắc lại.                  - HS quan sát.    - HS nêu yêu cầu bài tập.  - HS làm bài.  - HS trả lời.      - HS nhắc lại.        - HS theo dõi trong SGK.        - 2 nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.       - HS trả lời.    - HS lắng nghe. |

Tiết 2 **TOÁN**

**Nhân một số thập phân với một số thập phân**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**: Giúp học sinh.

- Biết và vận dụng đúng quy tắc nhân một STP với một STP.

- B­ước đầu nhận biết tính chất giao hoán của phép nhân hai số thập phân.

**2.** **Năng lực:** HS tích cực chủ động vận dụng kiến thức nhân một số thập phân với một số thập phân vào làm tính và giải toán nhanh, chính xác, cách trình bày gọn gàng, khoa học.

**3.** **Phẩm chất:** Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Toán.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. GV:** Phấn màu, TV, MT, MS.

**2. HS:** Bảng con, nháp

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)  - GV mở video  - Tính: 135,7 x 46  - Muốn nhân một số thập phân với 1 số tự nhiên ta làm thế nào?  - Giới thiệu bài.  **2. Hình thành kiến thức** (14- 15’ )  a.Ví dụ 1: GV treo bảng phụ ghi bài toán.  - Gọi HS đọc bài.  - Bài toán cho biết gì?  - Bài toán hỏi gì?  - Để tính đ­ược diện tích của mảnh vư­ờn em làm như­ thế nào?  - Cụ thể bằng gì?  - Em có nhận xét về phép nhân này?  - Vận dụng kiến thức đã học hãy tính diện tích của mảnh v­ườn.  - Nhận xét bài làm của bạn?  - Em đã làm nh­ư thế nào?  - 30,72 m2 là gì? Gọi HS hoàn thiện bài toán.  -GV HD HS đặt tính và tính như­ SGK  + B­ước 1: Thực hiện nhân như­ nhân STN  + B­ước 2: Đếm thấy phần thập phân của cả 2 thừa số có 2 chữ số ta dùng dấu phẩy tách ra ở tích 2 chữ số kể từ phải sang trái.  - Gọi HS nêu lại cách tính.  - Đọc kết quả?  - Nêu điểm giống và khác nhau ở 2 phép nhân này?  - Trong phép tính 6,4 x 4,8 = 30,72 em đã tách phần thập phân ở tích như­ thế nào?  b.Ví dụ 2  - GV treo phép tính: 4,75 x 1,3  - GV chữa bài, nhận xét. Gọi HS nêu lại cách làm?  - Trong phép tính 4,75 x 1,3 = 6,175 em đã tách phần thập phân ở tích như­ thế nào?  - Em có nhận xét gì về số các chữ số ở phần thập phân của các thừa số và của tích?  - Qua 2 VD hãy cho biết muốn nhân một STP với một số thập phân ta làm thế nào?  => Đây chính là nội dung quy tắc sgk/59.  - Em thấy cách nhân 1STP với 1STP và nhân 1STP với 1STN có gì giống và khác nhau?  **3. Luyện tập** (17- 18’)  a. Bài 1/59: Làm phần a,c.  - GV chữa bài, nhận xét  - Nêu cách thực hiện phép nhân:  25,8 x 1,5  - Nêu cách nhân một số thập phân với một số thập phân?  b. Bài 2/59: Phần a, b  - Biểu thức a x b và b x a là 2 biểu thức nào?  - Để tính đ­ược biểu thức có chứa 2 chữ em làm nh­ư thế nào?  - Nêu cách tính giá trị của 2 biểu thức ở dòng thứ nhất?  - Nêu cách tính giá trị của 2 biểu thức ở dòng thứ 2?  - Em hãy so sánh tích a x b và b x a khi a = 3,36 và b = 4,2?  - Em hãy so sánh tích a x b và b x a khi a = 3,05 và b = 2,7?  - Vậy khi ta thay chữ bằng số thì giá trị của 2 biểu thức a x b và b x a nh­ thế nào so với nhau?  => Như­ vậy, ta có: a x b = b x a  - Em đã gặp tr­ường hợp BT: a x b = b x a nào khi học tính chất nào của phép nhân các số tự nhiên?  - Vậy phép nhân các STP có tính chất giao hoán không?  - Phát biểu tính chất?  Phần b: GV soi bài, chữa bài, nhận xét.  - Nêu kết quả của phần b?  - Vì sao em điền ngay đ­ược kết quả tính?  - Phát biểu tính chất giao hoán của phép nhân 2STP?  c. Bài 3/59 (Dành cho HS tiếp thu nhanh)  + Để làm được bài này em đã vận dụng những kiến thức, kĩ năng nào?  \* Dự kiến sai lầm:  - HS còn đánh dấu phẩy ở các tích riêng.  - Khi thực hiện b­ước đếm các chữ số ở phần thập phân của cả 2 thừa số nhiều HS chỉ đếm ở 1 thừa số dẫn đến kết quả sai.  **4. Củng cố, dặn dò** (2 - 3’)  - Em được học kiến thức gì qua bài học hôm nay ?  - Muốn nhân một số thập phân với một số thập phân ta làm thế nào?  - Gọi HS nêu cảm nhận sau giờ học.  - Nhận xét chung giờ học.  - Chuẩn bị bài sau. | - HS khởi động  - HS thực hiện bảng con  - HS nêu  - HS đọc bài.  - Hỏi diện tích mảnh vườn đó bằng bao nhiêu m2?  - Lấy số đo chiều dài nhân với số đo chiều rộng.  - Lấy: 6,4 x 4,8 = ? m2  - Nhân một STP với một STP.  - HS làm bảng con.  - HS nhận xét.  - Đổi ra đơn vị là dm rồi tính sau đó đổi ra m2.  - HS hoàn thiện bài toán.  - HS thực hiện bảng con  - HS nêu lại cách tính.  - Giống nhau về cách đặt tính và thực hiện tính. Khác nhau ở chỗ 1 phép tính có dấu phẩy còn 1 phép tính không có dấu phẩy.  - Đếm thấy ở cả 2 thừa số có tất cả 2 chữ số ở phần thập phân, ta dùng dấu phẩy tách ở tích ra 2 chữ số kể từ phải sang trái.  - HS đọc phép tính.  - HS thực hiện bảng con.  - HS nêu lại cách làm.  - Đếm thấy ở cả 2 thừa số có tất cả 3 chữ số ở phần thập phân, ta dùng dấu phẩy tách ở tích ra 3 chữ số kể từ phải sang trái.  - Các thừa số có tất cả bao nhiêu chữ số ở phần thập phân thì tích có bấy nhiêu chữ số ở phần TP.  - HS đọc quy tắc/ SGK  - Giống nhau về cách đặt tính và thực hiện tính. Khác nhau là nhân 1STP với 1STP ta phải đếm phần thập phân của cả 2 thừa số.  - HS đọc yêu cầu.  - HS làm BC phần a,c, nêu cách làm. (HS TTN làm phần còn lại)  - HS nêu miệng.  - HS nêu  - HS đọc bài, nêu yêu cầu.  - Biểu thức có chứa 2 chữ.  - Thay chữ bằng số rồi tính.  - HS làm nháp phần a  - HS nêu.  - HS nêu.  - Hai tích a x b và b x a bằng nhau và bằng 14,112 khi a = 3,36 và b = 4,2.  - Hai tích a x b và b x a bằng nhau và bằng 8,235 khi a = 3,05 và b = 2,7.  - Giá trị của biểu thức a x b luôn bằng giá trị của biểu thức b x a khi ta thay chữ bằng số.  - Tính chất giao hoán của phép nhân.  - Phép nhân các STP cũng có tính chất giao hoán vì khi thay các chữ a, b trong biểu thức a x b và b x a bằng cùng 1 bộ số ta luôn có a x b = b x a.  - HS nêu  - HS làm vở phần b, chữa miệng  - HS nêu  - Dựa vào tính chất giao hoán của phép nhân.  - HS nêu  - HS đọc bài.  - HS làm bài vào N.  - HS nêu.  - HS nêu  - HS nêu  - HS nêu  - HS lắng nghe  - HS thực hiện . |

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………...

Tiết 3 **TẬP ĐỌC**

**Mùa thảo quả**

***Ma Văn Kháng***

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:** Giúp học sinh.- Đọc trôi chảy toàn bài, ngắt nghỉ hơi đúng sau các dấu câu, đọc diễn cảm bài văn với giọng nhẹ nhàng, thể hiện cảm hứng ca ngợi vẻ đẹp của rừng thảo quả

- Hiểu nội dung bài: Thấy được vẻ đẹp, hương thơm đặc biệt, sự sinh sôi, phát triển nhanh đến bất ngờ của thảo quả. Cảm nhận được nghệ thuật miêu tả đặc sắc của tác giả.

- HS tiếp thu nhanh nêu được tác dụng của cách dùng từ, đặc câu để miêu tả sự vật sinh động.

**2. Năng lực:** Rèn cho HS mạnh dạn, tự tin, trình bày ý kiến rõ ràng, ngắn gọn trước lớp, biết phối hợp với bạn khi làm việc nhóm, biết lắng nghe bạn đọc và trả lời để cùng chia sẻ, nhận xét, đánh giá bạn.

**3. Phẩm chất:** Có ý thức bảo vệ môi trường. **II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC GV** : TV, MT.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| **1. Khởi động, kết nối** (3 - 5’)  - GV mở video  - Đọc bài Chuyện một khu vườn nhỏ  - Nêu nội dung bài  - Giới thiệu bài: GV cho HS quan sát tranh trong SGK/113 và cho biết tranh vẽ gì? => GV giới thiệu: Đây là cảnh mọi người đi thu hoạch thảo quả. Thảo quả là một loại cây quả quý của Việt Nam. Thảo quả có mùi hương và màu sắc đặc biệt như thế nào chúng ta cùng tìm hiểu qua bài tập đọc ngày hôm nay.  **2. Hình thành kiến thức**  ***a. Luyện đọc đúng: (10 - 12’)***  - Gọi 1 HS đọc bài, nhắc lớp đọc thầm theo, tìm hiểu bài chia làm mấy đoạn.  - Bài đọc có thể chia làm mấy đoạn?  - Hãy thảo luận trong nhóm 4 trong thời gian 2’ đọc nối đoạn, tìm cho cô các từ khó, câu dài và các từ cần giải nghĩa nhé.  - Yêu cầu đại diện nhóm chia sẻ.  - GV giúp đỡ HS  \* Đoạn 1:  - GV kết hợp hướng dẫn HS:  - Nêu cách đọc đúng đoạn 1?  \* Đoạn 2:  - Tầng rừng thấp là tầng rừng như thế nào? GV cho HS quan sát tranh tầng rừng cao, thấp, trung bình.  - Nêu cách đọc đúng đoạn 2?  \* Đoạn 3:  - Nêu cách đọc đúng đoạn 3?  - Nêu cách đọc đúng đoạn toàn bài?  - Gọi HS đọc bài.  - GV đọc mẫu toàn bài lần 1.  ***b. Hướng dẫn tìm hiểu bài: (10 - 12’)***  - Đọc thầm đoạn 1 và TLCH 1/sgk.  - Thảo quả báo hiệu vào mùa bằng cách nào?  - Những từ ngữ nào miêu tả hương thơm của thảo quả?  - Các em hãy thảo luận trong nhóm đôi (1’) cho biết cách dùng từ, đặt câu ở đoạn  này có gì đáng chú ý ?  =>Thảo quả báo hiệu vào mùa bằng hương thơm đặc biệt của nó. Các từ hương và thơm lặp đi lặp lại có tác dụng nhấn mạnh mùi hương đặc biệt của thảo quả. Tác giả dùng các từ: lướt thướt, quyến, rải, ngọt lựng, thơm nồng gợi cảm giác hương thảo quả lan tỏa, kéo dài trong không gian. Các câu ngắn: Gió thơm. Cây cỏ thơm. Đất trời thơm như tả 1 người đang hít vào để cảm nhận mùi thơm của thảo quả trong đất trời.  - Đoạn 1 cho em biết điều gì?  \* Thảo quả không chỉ có hương thơm đặc biệt mà còn phát triển rất nhanh. Vậy thảo quả phát triển nhanh như thế nào chúng ta cùng tìm hiểu qua đoạn 2 của bài.  - Tìm những chi tiết cho thấy cây thảo quả phát triển rất nhanh ?  - GV cho HS qua sát tranh về sự phát triển nhanh của thảo quả.  - Đoạn 2 cho em biết điều gì?  \* Đoạn 2 của bài cho ta thấy sự phát triển rất nhanh. Thế còn đoạn 3 của bài cho chúng ta biết điều gì chúng ta cùng tìm hiểu nhé.  - Đọc thầm đoạn 3 và trả lời câu hỏi số 3  - Hoa thảo quả nảy ra ở đâu?  - GV cho HS quan sát tranh và giảng: Các loài hoa thường mọc ra ở cành, trên ngọn nhưng hoa thảo quả lại mọc dưới gốc cây.  - Khi thảo quả chín rừng có gì đẹp ? Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi (1’)  - Các em ạ, chúng ta tuy chưa được thăm rừng thảo quả chín. Nhưng qua ngòi bút của nhà văn Ma Văn Kháng rừng thảo quả như đang hiển hiện trước mắt 1 vẻ đẹp rực rỡ. Vậy để làm nổi bật vẻ đẹp của rừng thảo quả tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?  - Em hãy tìm câu văn có hình ảnh so sánh?  - GV cho HS quan sát tranh chùm thảo quả chín.  => Tác giả đã miêu tả được màu đỏ đặc  biệt của thảo quả: “chon chót, như chứa lửa chứa nắng”. Cách dùng câu văn so sánh đã miêu tả được rất rõ, rất cụ thể mùi hương thơm và màu sắc của thảo quả.  - Đoạn 3 của bài cho em biết điều gì?  - Đọc bài em cảm nhận được điều gì?  => GV chốt nội dung bài.  ***c. Luyện đọc diễn cảm: (10 - 12’)***  - Yêu cầu đại diện nhóm nêu ý kiến.  \* Đoạn 1: Để thể hiện được hương thơm đặc biệt của thảo quả ta cần đọc đoạn này với giọng như thế nào?  \* Đoạn 2: Nêu cách đọc diễn cảm đoạn 2?  \* Đoạn 3: Để làm nổi bật được vẻ đẹp của rừng thảo quả khi thảo quả chín em nên đọc với giọng như thế nào?  -Nêu cách đọc diễn cảm toàn bài?  - GV đọc mẫu toàn bài lần 2.  - Gọi HS đọc  - GV nhận xét, đánh giá, tư vấn cho HS.  **3. Củng cố**, **dặn dò**:(2 - 4’)  -Tác giả miêu tả về loài cây thảo quả theo trình tự nào? Cách miêu tả ấy có gì hay?  - Ngày nay, những cánh rừng bị tàn phá, vẻ đẹp tự nhiên của rừng bị biến mất từng ngày, để có màu xanh tươi đẹp chúng ta phải làm gì?  - Gọi HS nêu cảm nhận sau giờ học.  - Nhận xét chung giờ học.  - Chuẩn bị bài sau. | - HS hát  - 2 HS đọc  - HS nêu  - HS lắng nghe, quan sát tranh.  - 1 HS đọc to, lớp đọc thầm theo, chia đoạn (3 đoạn)  Đoạn 1: Từ đầu - nếp khăn.  Đoạn 2: Thảo quả trên rừng - lấn chiếm không gian.  Đoạn 3: Còn lại.  - HS thảo luận nhóm 4 (2’)  - Đại diện nhóm chia sẻ trước lớp.  \* Dự kiến phương án trả lời  + Từ khó: ngọt lựng, thơm nồng.  - HS đọc câu có từ.  + Chưa hiểu nghĩa từ ngữ: Thảo quả, Đản Khao, Chin San.  - HS đọc chú giải/ SGK, nêu.  - Đọc to rõ ràng, trôi chảy, đọc đúng từ khó, ngắt nghỉ hơi đúng sau các dấu câu.  - HS luyện đọc đoạn 1 theo dãy.  + Chưa hiểu nghĩa từ ngữ: Tầng rừng thấp  - HS đọc thầm chú giải/ SGK, nêu.  - Đọc to rõ ràng, trôi chảy, lưu loát, ngắt nghỉ hơi đúng sau các dấu câu.  - HS luyện đọc đoạn 2 theo dãy.  - Đọc to rõ ràng, trôi chảy, ngắt nghỉ hơi đúng sau các dấu câu.  - HS luyện đọc đoạn 3 theo dãy.  \* HS đọc nhóm đôi (1’)  - Toàn bài đọc to, rõ ràng, đọc đúng các tiếng có âm đầu l- n, ngắt nghỉ đúng sau các dấu câu.  - HS đọc (1 - 2 em).  - HS lắng nghe.  - HS đọc thầm đoạn 1  - ... mùi thơm đặc biệt quyến rũ lan xa, làm cho gió thơm, cây cỏ thơm, đất trời thơm, từng nếp áo, nếp khăn của người đi rừng về cũng thơm...  - ngọt lựng, thơm nồng, thơm đậm.  - Cách dùng từ “hương” và từ “thơm” được lặp lại nhiều lần; cách đặt câu: sử dụng 1 câu dài, 3 câu ngắn cho ta thấy thảo quả có mùi hương đặc biệt.  - Hương thơm đặc biệt của thảo quả.  - HS đọc thầm đoạn 2  - …qua một năm đã cao tới bụng người, một năm sau nữa … vươn ngọn xòe lá lấn chiếm không gian.  - Cây thảo quả phát triển nhanh.  - HS đọc thầm đoạn 3  - Hoa thảo quả nảy dưới gốc cây.  - Khi thảo quả chín rừng rực lên những chùm thảo quả đỏ chon chót như chứa lửa, chứa nắng. Rừng ngập hương thơm ... nhấp nháy vui mắt.  - Biện pháp nghệ thuật so sánh để làm nổi bật lên vẻ đẹp của thảo quả.  - HS nêu  - Vẻ đẹp của rừng thảo quả khi thảo quả chín.  - Thấy được vẻ đẹp, hương thơm đặc biệt, sự sinh sôi, phát triển nhanh đến bất ngờ của thảo quả qua nghệ thuật miêu tả đặc sắc của nhà văn.  - 2 HS nêu lại nội dung bài.  - HS thảo luận nhóm đôi tìm cách đọc diễn cảm từng đoạn (2’)  \* Dự kiến trả lời của HS:  - Đọc giọng nhẹ nhàng, nhấn giọng vào những từ ngữ tả làm nổi bật hương thơm của thảo quả.  - HS luyện đọc đoạn 1 theo dãy.  - Đọc giọng nhẹ nhàng, nhấn giọng vào những từ ngữ gợi tả làm nổi bật sự phát triển mạnh mẽ của thảo quả.  - HS luyện đọc đoạn 2 theo dãy.  - Đọc giọng nhẹ nhàng, nhấn giọng vào từ ngữ gợi tả làm nổi bật vẻ đẹp của rừng thảo quả chín.  - HS luyện đọc đoạn 3 theo dãy.  - Toàn bài đọc với giọng nhẹ nhàng thể hiện cảm hứng ca ngợi vẻ đẹp của rừng thảo quả.  - HS đọc theo đoạn (3 HS)  - HS đọc đoạn yêu thích (2-3 HS)  - HS đọc cả bài (1- 2 HS)  - Theo trình tự thời gian, giúp ta thấy được sự phát triển nhanh, những nét đặc biệt của thảo quả….  - HS nêu  - HS lắng nghe  - HS thực hiện . |

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………...

Tiết 4 **ĐẠO ĐỨC**

**Kính già, yêu trẻ (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:** Học xong bài này, học sinh biết:

-Cần phải tôn trọng người già vì người già có nhiều kinh nghiệm sống, đã đóng góp nhiều cho xã hội; trẻ em có quyền được cả gia đình và xã hội quan tâm, chăm sóc.

- Thực hành các hành vi hiểu biết sự tôn trọng, lễ phép, giúp đỡ, nhường nhịn người già, trẻ em.

- Tôn trọng, yêu quý, thân thiện với người già, em nhỏ, không đồng tình với những hành vi, việc làm không đúng với người già và em nhỏ.

**2. Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mĩ, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác.

**3. Phẩm chất:** Trung thực trong học tập và cuộc sống.

- GDKNS: kĩ năng giao tiếp, ứng xử với người già, trẻ em trong cuộc sống ở nhà, ở trường và ngoài xã hội.

**II. TÀI LIỆU PHƯƠNG TIỆN -** Sưu tầm truyện, thơ, ca dao, tục ngữ thuộc chủ đề bài học, TV MT.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)  - Mở video  - GTB  **2. Hình thành kiến thức**  **HĐ1:** Tìm hiểu chuyện: “Sau đêm mưa” (15-16’)  \* MT: H biết cần phải giúp đỡ người già, em nhỏ và ý nghĩa của việc giúp đỡ người già, em nhỏ.  \* CTH:  -GV kể chuyện.  - Y/c đọc lướt truyện, quan sát tranh SGK/18- thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi (3phút):  + Các bạn trong truyện đã làm gì khi gặp bà cụ và em nhỏ?  + Tại sao bà cụ lại cảm ơn các bạn?  + Em suy nghĩ gì về việc làm của các bạn trong truyện?  + Qua truyện *Sau cơn mưa*, chúng ta rút ra bài học gì?  +Nêu ý nghĩa câu ca dao?  \* Kết luận: cần tôn trọng, giúp đỡ người già, em nhỏ bằng những việc làm hợp khả năng- đó là biểu hiện của tình cảm tốt đẹp, thể hiện người văn minh, lịch sự; thể hiện KNS.  **HĐ2:** Làm bài tập 1 sgk (15-16’)  \* MT: H nhận biết được các hành vi thể hiện tình cảm kính già, yêu trẻ.  \* CTH:  - Y/c làm việc cá nhân bài tập 1.  -Gọi 1 số H trình bày bài làm  \* KL: chốt cách ứng xử đúng: các hành vi a,b,c thể hiện tình cảm kính già yêu trẻ. Hành vi d chưa thể hiện sự quan tâm, yêu thương, chăm sóc em nhỏ.  **3. Củng cố- dặn dò** (2- 3’)  - Tìm hiểu các phong tục tập quán thể hiện tình cảm kính già, yêu trẻ của địa phương, của dân tộc ta.  - Gọi HS nêu cảm nhận sau giờ học.  - Nhận xét chung giờ học.  - Chuẩn bị bài sau. | - HS khởi động  - Nghe  - Đọc, quan sát tranh  - Thảo luận cặp đôi  - Trình bày  - Nhận xét, bổ sung  - Nghe  - Đọc ghi nhớ sgk  - Làm bài tập 1  - T/bày, giải thích, nx  - Nghe để thực hiện.  - HS nêu  - HS lắng nghe  - HS thực hiện . |

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………...

Tiết 4 **KHOA HỌC**

**Sắt, gang, thép**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**:Sau bài học, học sinh có khả năng:

- Nêu nguồn gốc của sắc, gang, thép và một số tính chất của chúng.

- Kể tên một số dụng cụ, máy móc, đồ dùng được làm từ gang hoặc thép.

- Nêu cách bảo quản đồ dùng bằng gang, thép có trong gia đình.

- Thích tìm hiểu khoa học, bảo vệ môi trường

\* GDBVMT: Nêu được sắt, gang, thép là những nguyên liệu quý và có hạn nên khai thác phải hợp lí và biết kết hợp bảo vệ môi trường.

**2. Năng lực:** Nhận thức thế giới tự nhiên, tìm tòi, khám phá thế giới tự nhiên,vận dụng KT vào thực tiễn và ứng xử phù hợp với tự nhiên, con người.

**3. Phẩm chất:** Học sinh ham thích tìm hiểu khoa học, yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**Giáo viên**: Ảnh minh hoạ. Một số mẩu sắt, gang, thép. TV, MT.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)  - GV mở video  + Nêu các đặc điểm của tre? Tre được dùng làm gì? | - HS khởi động  - Tre mọc đứng, cao, thân rỗng ở bên trong và gồm nhiều đốt thẳng ... |
| + Mây, song có đặc điểm gì? ứng dụng trong cuộc sống?  - Giới thiệu bài:  **2. Hình thành kiến thức:**  **HĐ 1:** Thực hành xử lý thông tin (12- 15') \* Mục tiêu: Thực hiện mục tiêu 1  \* Cách tiến hành:  - Làm việc nhóm đôi  - Yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, thảo luận N2 câu hỏi/ 48  + Trong tự nhiên, sắt có ở đâu?  + Gang, thép đều có thành phần nào chung?  + Gang và thép khác nhau ở điểm nào?  \* Kết luận: Sắt là kim loại có tính dẻo, dễ kéo thành sợi, dễ rèn, dập. Sắt có màu xám ...  **HĐ 2:** Công dụng và cách bảo quản (12-14')  \* Mục tiêu: Thực hiện mục tiêu 1,2  \* Cách tiến hành: Quan sát và thảo luận  - Y/c HS nêu hiểu biết của em về ứng dụng của sắt, gang, thép?  \* KL: Sắt là một kim loại được sử dụng dưới dạng hợp kim. Hàng rào sắt, đường sắt, đinh sắt ... thực chất được làm bằng thép  + Kể tên một số dụng cụ, máy móc, đồ dùng được làm từ gang hoặc thép khác mà em biết?  + Nêu cách bảo quản gang, thép trong nhà em ?  \* Kết luận: Những đồ dùng được sản xuất từ gang rất giòn, dễ vỡ nên khi sử dụng chúng ta phải đặt, để cẩn thận ...  **3. Củng cố, dặn dò** (2- 3')  - Nhận xét tiết học.  - Về nhà tìm hiểu thêm công dụng của một số vật dụng làm từ các vật liệu trên.  - Gọi HS nêu cảm nhận sau giờ học.  - Nhận xét chung giờ học.  - Chuẩn bị bài sau. | - Mây, song là cây leo, thân gỗ, dài, không phân nhánh, hình trụ ...  - Làm việc nhóm đôi  - Đọc thầm thông tin, thảo luận (3’)  -... các thiên thạch và trong các quặng sắt  -... đều là hợp kim của sắt và các- bon  -... Gang: có nhiều các- bon, cứng, giòn không thể uốn. Thép ít các-bon hơn, cứng, bền, dẻo ...  - Thảo luận nhóm đôi- Trình bày  - Liên hệ  -… đầu máy xe lửa, xe ô tô, xe đạp, xe máy; nồi gang ...  -...thép dễ ghỉ: cần rửa sạch và cất ở nơi khô ráo, gang dễ vỡ phải cẩn thận ...  - HS nghe và thực hiện  - HS nêu  - HS lắng nghe  - HS thực hiện . |

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………...

Tiết 6 **TOÁN (BS)**

**Luyện toán**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Củng cố cho học sinh các kiến thức đã học về giải hai dạng toán có quanhệ tỉ lệ.

- Giúp học sinh thực hiện tốt các bài tập củng cố và mở rộng

**2. Năng lực:** HS tích cực chủ động vận dụng kiến thức vào giải toán nhanh, chính xác, cách trình bày gọn gàng, khoa học.

**3. Phẩm chất:** Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Toán.

1. **II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Giáo viên: TV, MT, MS.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)  - Mở video  - GTB  **2. Hướng dẫn luyện**:(36 - 37’)  GV đưa bài tập  a. Bài 1**.** Mua 4kg nhãn hết 64 000 đồng. Hỏi mua 8kg nhãn như thế hết bao nhiêu tiền?  - GV chữa bài.  - Nêu từng cách làm ?  b. Bài 2. Có 12 bao gạo như nhau, cân nặng 540kg. Hỏi 36 bao gạo như thế cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?  - GV soi bài chữa  => Em giải bài này bằng mấy cách?  - Em hiểu bư­ớc giải rút về đơn vị là như­ thế nào?  c. Bài 3 **.** Người ta cần 5 chiếc thùng như nhau để chứa 350l dầu. Hỏi cần dùng bao nhiêu chiếc thùng như thế để chứa 490 l dầu ?  - GV chữa bài  - Em chọn cách giải nào để làm bài, vì sao ?  - Em hiểu thế nào là rút về đơn vị?  - Nêu cách tìm tỉ số ?  **3. Củng cố, dặn dò:** (2 - 3’)  - Gọi HS nêu cảm nhận sau giờ học.  - Nhận xét chung giờ học.  - Chuẩn bị bài sau. | - HS khởi động  - HS đọc bài, nêu yêu cầu.  - HS làm vở nháp, soi bài chữa miệng.  - HS nêu  - HS đọc bài nêu yêu cầu.  - HS làm nháp, chữa miệng.  - HS nêu.  - HS nêu  - HS đọc bài nêu yêu cầu.  - HS làm vở nháp , soi chữa  - HS nêu.  - HS nêu  - HS lắng nghe  - HS thực hiện . |

Tiết 7 **THỂ DỤC**

**Ôn 5 động tác của bài thể dục**

**Trò chơi: “Ai nhanh và khéo hơn”**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:** Giúp học sinh.

- Ôn trò chơi “Ai nhanh và khéo hơn”. Yêu cầu chủ động chơi thể hiện tính đồng đội cao.

- Ôn 5 động tác vươn thở, tay, chân, vặn mình và toàn thân của bài thể dục PTC. Yêu cầu tập đúng kĩ thuật thể hiện được tính liên hoàn của bài

**2. Năng lực**: Rèn luyện năng lực hoạt động độc lập, hợp tác trong nhóm, mạnh dạn, tự tin trước tập thể.

**3. Phẩm chất:** HS có ý thức tập luyện TDTT để rèn luyện sức khỏe.

**II. ĐỊA ĐIỂM, PH­ƯƠNG TIỆN**

- Địa điểm: Trên sân tập

- Phư­­ơng tiện: Còi

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Nội dung và phương pháp | Định lượng | Đội hình đội ngũ |
| **1. Phần mở đầu** | 6 -10’ |  |
| - LT tập hợp lớp, điểm số báo cáo  - GV nhận lớp, phổ biến nội dung, yêu cầu tiết học |  | 🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹  🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹 |
| - Cho HS giậm chân tại chỗ, vỗ tay |  | 🚹 |
| - Cho HS khởi động, GV quan sát nhắc nhở HS khởi động đúng động tác, biên độ động tác rộng. |  |  |
| **2. Phần cơ bản** | 18 - 22’ |  |
| a) Ôn trò chơi “Ai nhanh và khéo hơn” |  |  |
| - GV nêu tên trò chơi gọi HS nêu lại cách chơi  - GV chia đội và điều khiển cuộc chơi, yêu cầu HS chơi vui vẻ nhiệt tình, đoàn kết  - HS chơi theo đội dưới hình thức thi đua  - GV tổng kết cuộc chơi, đội nào thua sẽ bị phạt vui theo hình thức của đội thắng cuộc đề ra |  |  |
| b) Ôn 5 động tác đã học (vươn thở, tay, chân, vặn mình, toàn thân )  - Lượt đầu GV điều khiển cho cả lớp tập  - HS luyện tập cả lớp 5 động tác (2 lần) theo đội hình 4 hàng ngang  - HS luyện tập theo tổ dưới hình thức thi đua (tổ trưởng điều khiển)  - Lượt 2 cho HS luyện tập theo tổ (Nhắc nhở HS chú ý về kĩ thuật và ý thức tổ chức kỉ luật )  - GV bao quát, sửa sai cho HS | 14- 16’ |  |
| - GV nhận xét tuyên |  |  |
| **3. Phần kết thúc** | 4 - 6’ | 🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹  🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹    🚹 |
| - Cho HS chơi trò chơi hồi tĩnh |  |
| - GV cùng học sinh hệ thống bài |  |
| - Giáo viên nhận xét, đánh giá kết quả giờ học và giao bài tập về nhà: Ôn 5 ĐT vừa học.  - Gọi HS nêu cảm nhận sau giờ học. |  |

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………...

**Thứ Ba ngày 21 tháng 11 năm 2023**

Tiết 2 **TOÁN**

**Luyện tập**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**: Giúp học sinh.

- Biết và vận dụng được quy tắc nhân nhẩm một số thập phân với 0,1; 0,01; 0,001

- Rèn luyện kĩ năng thực hiện nhân 1 số thập phân với 1 số thập phân.

- Củng cố kĩ năng chuyển đổi các số đo đại lượng.

- Ôn về tỉ lệ bản đồ.

**2. Năng lực**: HS tích cực chủ động vận dụng kiến thức vào làm tính và giải toán nhanh, chính xác, cách trình bày gọn gàng, khoa học.

**3. Phẩm chất**: Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Toán.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**: Phấn màu. TV, MT, MS.

**2. Học sinh:** Nháp, bảng con.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)  - GV mở video  - Đặt tính, tính: 55,67 x 7,3  - Muốn nhân một số thập phân với một số thập phân ta làm thế nào?  - Giới thiệu bài:  **2.** **Luyện tập** (32 - 34’)  a. Bài 1/60: Phần a:  \* GV nêu ví dụ: 142,57 x 0,1  - Cho HS làm tính hàng dọc sau đó nhận xét rút ra cách nhân nhẩm một số thập phân với 0,1 như hướng dẫn trong SGK.  - Nhận xét bài làm của bạn?  - Em hãy nêu rõ các thừa số, tích của 142,57 x 0,1 = 14, 257?  - Em có nhận xét gì về thừa số 142,57 và tích 14,257?  - Như vậy khi nhân 142,57 với 0,1 ta có thể tìm ngay được tích bằng cách nào?  - Khi nhân 1 số thập phân với 0,1 ta làm thế nào?  \*Ví dụ 2: 531,75 x 0,01 = ?  - Nhận xét bài làm của bạn?  - Em hãy nêu rõ các thừa số, tích của 531,75 x 0,01 = 5,3175?  - Em có nhận xét gì về thừa số 531,75 và tích 5,3175?  - Như vậy khi nhân 531,75 với 0,01 ta có thể tìm ngay được tích bằng cách nào?  - Khi nhân 1 số thập phân với 0,01 ta làm thế nào?  - Vận dụng cách nhân 1STP với 0,1; 0,01 muốn nhân 1 số thập phân với 0,001 ta làm thế nào?  => Quy tắc sgk/ 60  Phần b:  - Em làm thế nào để tìm được tích của 805,13 x 0,01 là 8,0513?  - Tích của phép tính 38,7 x 0,1 là bao nhiêu. Vì sao em biết?  - Khi nhân một số thập phân với 0,01; 0,001 mà phần nguyên còn thiếu ta làm thế nào?  => Muốn nhân một số thập phân với 0,1; 0,01; 0,001...ta làm thế nào?  b. Bài 2,3 /60: (Dành cho HS TTN)  \* Dự kiến sai lầm: Khi nhân 1 số thập phân với 0,1; 0,01... HS còn nhầm lẫn với nhân 1 số thập phân với 10; 100  **3. Củng cố, dặn dò** (2 - 3’)  - Điều quan trọng nhất em học được hôm nay là gì ?  - Muốn nhân một số thập phân với 1 số thập phân ta làm thế nào?  - Muốn nhân một số thập phân với 0,1; 0,01; 0,001...ta làm thế nào?  - Gọi HS nêu cảm nhận sau giờ học.  - Nhận xét chung giờ học.  - Về nhà học bài, chuẩn bị bài sau | - HS khởi động  - HS làm bảng con  - HS nêu  - HS đặt tính, tính vào bảng con.  - HS nhận xét.  - HS nêu.  - Khi chuyển dấu phẩy của 142,57 sang trái 1 chữ số thì ta được 14,257.  - Như vậy khi nhân 142,57 với 0,1 ta có thể tìm ngay được tích là 14,257 bằng cách chuyển dấu phẩy của 142,57 sang bên trái 1 chữ số.  - Khi nhân 1 số thập phân với 0,1 ta chỉ việc chuyển dấu phẩy của số đó sang bên trái 1 chữ số.  - HS làm bảng con  - HS nhận xét.  - HS nêu.  - Khi ta chuyển dấu phẩy của 531,75 sang bên trái 2 chữ số thì ta được 5,3175.  - Như vậy khi nhân 531,75 với 0,01 ta có thể tìm ngay được tích là 5,3175 bằng cách chuyển dấu phẩy của 531,75 sang bên trái 2 chữ số.  - Khi nhân 1 số thập phân với 0,01 ta chỉ việc chuyển dấu phẩy của số đó sang bên trái 2 chữ số.  - HS nêu.  - HS đọc quy tắc / SGK  - HS đọc yêu cầu  - HS làm miệng, nêu cách làm 1 vài trường hợp  - Em dịch chuyển dấu phẩy của số 805,13 sang bên trái 2 chữ số thì em được tích là 8,0513.  - Tích của phép tính 38,7 x 0,1 là 3,87 vì khi nhân 1STP với 0,1 ta chỉ việc  - Phải viết thêm chữ số 0 bên trái số đó.  - HS nêu  - HS tiếp thu nhanh làm  - HS nêu  - HS nêu  - HS lắng nghe  - HS thực hiện . |

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………...

Tiết 3 **CHÍNH TẢ (NGHE - VIẾT)**

**Mùa thảo quả**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:** Giúp học sinh.

- Nghe - viết đúng, trình bày đúng 1 đoạn trong bài “Mùa thảo quả” .

- Làm đúng các BT chính tả phân biệt các tiếng có âm đầu s/x hoặc vần at/ ac

**2. Năng lực:** Rèn cho HS tính cẩn thận khi đặt bút, có ý thức giữ vở sạch, viết chữ đẹp.

**3. Phẩm chất:** Giáo dục HS có ý thức tôn trọng và biết bảo vệ quyền lợi của người lao động.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** TV, MT, MS.

**2. Học sinh:** Vở bài tập, nháp.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| **1. Khởi động, kết nối** (3- 5’)  - GV mở video  - Viết: Khắc phục, sử dụng  - Nhận xét bài viết tr­ước.  - Giới thiệu bài: Trong tiết học hôm nay, các em sẽ nghe cô đọc để viết đúng đoạn 2 trong bài“Mùa thảo quả” .  **2. Hình thành kiến thức**:  ***a. H­ướng dẫn chính tả:*** *(10 -12’)*  - GV đọc mẫu  - Trong bài có từ nào khó viết?  - GV ghi từ khó lên bảng, gọi HS phát âm lại và phân tích tiếng khó  - Phân tích tiếng “lặng” trong từ “lặng lẽ”  - Các tiếng còn lại tiến hành t­ương tự.  - Luyện viết bảng con: nảy, lặng lẽ, rây, lửa, nắng (GV đọc tiếng trong từ )  - Đoạn viết ở thể loại nào? Nêu cách trình bày bài?  ***b. Viết chính tả:*** *(14 - 16’)*  - Nhắc nhở HS tr­ớc khi viết bài.  - GV đọc cho HS viết bài.  ***c. H­ướng dẫn chấm, chữa:*** *(3 - 5’)*  - GV đọc cho HS soát bài( 1 lần)  - GV chấm bài, nhận xét và tư­ vấn cho 1 số HS  ***d. H­ướng dẫn làm bài tập chính tả****:**(7- 9’)*  \* Bài 2 a/ 115  - Đọc bài, nêu yêu cầu?  - GV chấm, chữa, nhận xét, chốt lời giải đúng. Soi bài.  => Muốn tìm đúng các từ chứa tiếng đã cho cần hiểu đúng nghĩa của các từ, tiếng đó  \* Bài 3a/ 115  - Đọc bài, nêu yêu cầu?  - GV chữa, nhận xét.  - Tìm từ có tiếng vừa thay?  **3. Củng cố**, **dặn dò**: (1- 2’)  - Nhận xét giờ học, tuyên dư­ơng những em viết đúng, đẹp.  - Gọi HS nêu cảm nhận sau giờ học.  - Nhận xét chung giờ học.  - Chuẩn bị bài sau. | - HS hát  - HS viết vào bảng con  - HS theo dõi  - HS TLN2 (2’): tìm từ khó viết.  \* Dự kiến HS tìm đ­ược:  nảy, lặng lẽ , mư­a rây bụi, chứa lửa chứa nắng  - lặng = l + ăng + thanh nặng  - Các từ còn lại HS phân tích theo yêu cầu của GV  - HS luyện viết bảng con.  - HS nêu  - HS viết bài vào vở  - HS soát bài bằng bút chì, ghi số lỗi, chữa lỗi  - HS đọc, nêu yêu cầu  - HS làm vở bài tập, chữa bài  - HS đọc, nêu  - HS làm vào vở bài tập, nêu miệng kết quả  + Giống nhau: Dòng 1 đều chỉ tên các con vật. Dòng 2 đều chỉ tên các loài cây  + Khi thay âm đầu s bằng x thì  các tiếng có nghĩa là: xả, xi, xung, xen, xâm, xắn, xấu, xói, xóc, xít, xam, xán, xẻ, xáo  + Đòn xóc, xông xáo, ...  - HS nêu  - HS lắng nghe  - HS thực hiện . |

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………...

Tiết 4 **LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**Mở rộng vốn từ: Bảo vệ môi trường**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:** Giúp học sinh. - Hiểu đ­ược ý nghĩa của một số từ ngữ về môi trư­ờng, biết tìm từ đồng nghĩa với từ đã cho.

- Biết ghép một tiếng gốc Hán với những tiếng thích hợp để tạo thành từ phức.

- HS TTN làm bài 2 và nêu được nghĩa của mỗi từ ghép được ở BT2.

**2. Năng lực:** HS mạnh dạn, tự tin khi thực hiện nhiệm vụ học tập và trình bày ý kiến; tích cực hoạt động và hợp tác với bạn trong nhóm. Biết vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập; tự giải quyết vấn đề nhanh gọn và khoa học, đúng với yêu cầu đề bài.

**3. Phẩm chất:** Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Tiếng Việt.

\* GDMT: GD tình cảm yêu quý, ý thức bảo vệ môi trường, có hành vi đúng đắn với môi trường xung quanh. **II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Từ điển Tiếng Việt, TV, MT, MS.

**2. Học sinh:** Vở bài tập

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| **1. Khởi động, kết nối** (3 - 5’)  - GV mở video  - Thế nào là quan hệ từ?  - Đặt câu với 1 cặp quan hệ từ mà em biết ?  - Giới thiệu bài.  **2. Luyện tập**:(32 - 34’)  \* Bài 1/115  - Bài yêu cầu gì?  - Gọi 1HS đọc đoạn văn, lớp đọc thầm và tìm hiểu các thành phần của môi tr­ường là gì.  - Thành phần môi trường là gì?  - Có những yếu tố nào tạo thành môi trường?  - Nêu yêu cầu a của bài ?  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi (2’) tìm hiểu nghĩa của 3 từ trên.  + Em hiểu khu dân cư là khu như­ thế nào?  + Khu sản xuất là khu vực nh­ư thế nào đây?  - GV chỉ tranh, yêu cầu HS quan sát tranh xem đâu là khu dân c­ư, đâu là khu sản xuất.  + Vì sao em biết H1 là khu dân c­ư; H3, 4 là khu sản xuất?  + Nơi em ở là khu dân cư­ hay khu sản xuất? Vì sao em biết?  + Kể tên 1 số khu dân c­ư mà em biết?  - Yêu cầu HS quan sát tranh và cho cô biết thế nào là khu dân c­ư văn hóa?  + Hãy kể tên 1 số khu sản xuất mà em biết?  - GV đư­a tranh giới thiệu khu công nghiệp Nomura, Tràng Duệ, ...  + Em hiểu khu bảo tồn thiên nhiên là khu nh­ư thế nào?  + Hãy kể tên 1 số khu bảo tồn thiên nhiên ở n­ớc ta mà em biết?  - Cho HS quan sát tranh 1 số khu bảo tồn thiên nhiên.  + Qua bài học giúp các em phân biệt nghĩa của các cụm từ nào?  => 3 khu này là những yếu tố tạo thành môi trư­ờng.  - Nêu yêu cầu b của bài?  - GV chấm, chữa, nhận xét  + Bạn nối từ hợp lí chư­a?  + Em hiểu sinh vật là gì?  - Đọc thầm tìm hiểu nghĩa của từ vi sinh vật.  + Hãy kể tên 1 số sinh vật mà em biết?  + Con ngư­ời có đ­ược coi là sinh vật không?  - GV cho HS quan sát tranh 1 số loài động, thực vật  + Em hiểu sinh thái là như­ thế nào?  + Lấy VD về mối liên hệ giữa con ng­ười với thiên nhiên?  + Em đã đư­ợc đến thăm khu du lịch sinh thái nào chư­a?  - GV giới thiệu cho HS khu du lịch sinh thái suối khoáng Tiên Lãng.  + Em hiểu hình thái là như­ thế nào?  + Ở lớp ta em nhìn thấy sự vật gì? Vì sao em biết đây là cái bảng?  **\*** Bài 2**/**116 (Nếu còn thời gian cho HS hệ thống lại các từ thuộc chủ điểm )  \* Bài 3**/**116  - Đọc bài, nêu yêu cầu?  - Nhiệm vụ em cần làm ở bài 3 là gì?  - GV giúp HS nắm vững yêu cầu của bài.  - GV chấm, chữa bài. Soi bài  + Bạn thay từ bảo vệ bằng từ nào?  + Vì sao em thay từ “bảo vệ” bằng từ “giữ gìn, gìn giữ ”?  => Đây là 2 từ đồng nghĩa hoàn toàn.  + Nội dung câu văn muốn nhắc nhở chúng ta điều gì?  + Em đã làm gì để giữ gìn môi trư­ờng sống?  - Cho HS quan sát 1 số hình ảnh bảo vệ môi tr­ường.  **3. Củng cố**, **dặn dò**:(2- 4’)  - Nêu lại một số từ ngữ về bảo vệ môi trường?  - Gọi HS nêu cảm nhận sau giờ học.  - Nhận xét chung giờ học.  - Chuẩn bị bài sau. | - HS hát  - HS nêu  - HS làm- Trình bày  - HS đọc thầm, đọc to yêu cầu.  - HS nêu.  - 1HS đọc đoạn văn.  - Là các yếu tố tạo thành môi trường: không khí, n­ước, đất, …  - HS nêu.  - HS thảo luận nhóm đôi.  - HS đại diện nhóm trình bày.  + Khu dân cư­: Khu vực dành cho dân ăn ở sinh hoạt.  + Khu sản xuất: Khu vực làm việc của nhà máy xí nghiệp.  - HS quan sát tranh.  - HS nêu  - HS liên hệ.  - HS kể.  - Khu công nghiệp Nomora, Tràng Duệ.  + Khu vực có cảnh quan đư­ợc bảo vệ giữ gìn.  - HS kể.  - HS quan sát tranh.  - khu dân c­ư, khu sản xuất, khu bảo tồn thiên nhiên.  - Mỗi từ ở cột a d­ới đây ứng với nghĩa nào ở cột b.  - HS làm phần b vào vở bài tập, chữa miệng  - HS nêu  - HS nêu  - HS kể  - HS quan sát tranh.  - HS nêu  - HS nêu.  - HS nêu.  - Dành cho HS TTN  - HS nêu  - Thay từ “bảo vệ” trong câu bằng 1 từ đồng nghĩa.  - HS làm vở bài tập, chữa bài  - Bằng từ giữ gìn.  - HS nêu nghĩa của 2 từ.  - HS nêu  - HS nêu  - HS quan sát  - HS nêu  - HS nêu  - HS lắng nghe  - HS thực hiện . |

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………...

Tiết 5  **LỊCH SỬ**

**Vượt qua tình thế hiểm nghèo**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Biết sau CM/8 nước ta đứng trước những khó khăn to lớn: “giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm”.

- Các biện pháp ND ta đã thực hiện để chống lại giặc đói, giặc dốt: quyên góp gạo cho người nghèo, tăng gia SX, phong trào xoá nạn mù chữ…

**2. Năng lực:**

- Năng lực tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực hiểu biết cơ bản về Lịch sử, năng lực tìm tòi và khám phá Lịch sử, năng lực vận dụng kiến thức Lịch sử vào thực tiễn.

**3. Phẩm chất:**

- HS có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực trong các hoạt động

- Giáo dục tình yêu thương quê hương đất nước

- HS yêu thích môn học lịch sử

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Thư của Bác Hồ gửi nhân dân kêu gọi chống nạn đói, chống nạn thất học. TV, MT.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)  - Mở video  - Giới thiệu bài, giới thiệu về thời kì mới…  **2. Hình thành kiến thức**  **HĐ1:** Thảo luận(8-10’)  - Y/c đọc thầm sgk: “Cuối năm…treo sợi tóc”:  + Em hiểu thế nào là nghìn cân treo sợi tóc?  + Hoàn cảnh nước ta lúc đó có những khó khăn, nguy hiểm gì?  + Vì sao nói: ngay sau cách mạng tháng Tám, nước ta ở trong tình thế: “Nghìn cân treo sợi tóc”?  + Vì sao Bác Hồ gọi nạn đói và nạn dốt là giặc?  - GV: lúc đó nước ta có 2 yêu cầu đặt ra đó là diệt giặc đói và giặc dốt ...  **HĐ2:** Làm việc cá nhân (8-10’)  - YC quan sát hình minh hoạ 2,3/ 25, 26:  + Hình chụp cảnh gì?  + Em hiểu thế nào là bình dân học vụ?  - YC đọc thầm sách giáo khoa/ 25 - 26:  + Chính phủ ta đã làm thế nào để đẩy lùi giặc đói; giặc dốt; giặc ngoại xâm?  **HĐ3:** Làm việc cả lớp (10- 11’)  - Việc đẩy lùi những khó khăn trong thời gian ngắn cho thấy sức mạnh của ND ta như thế nào?  - Khi lãnh đạo đất nước qua cơn hiểm nghèo, uy tín của Bác và chính phủ như thế nào?  - Đọc thầm câu chuyện về Bác/25 và nêu cảm nghĩ?  \* Kết luận: sgk/26  **3. Củng cố dặn dò** (1- 2’)  - Gọi HS nêu cảm nhận sau giờ học.  - Nhận xét chung giờ học.  - Chuẩn bị bài sau. | - HS khởi động  - Lớp hát tập thể  - Học sinh đọc thầm  - Trao đổi cặp đôi  - Trả lời, nx, bổ sung  - Nghe  - Quan sát tranh  - H nêu  - Đọc thầm sách giáo khoa  (lập hũ gạo cứu đói, mở lớp bình dân học vụ,…)  - H nêu  - Trả lời, nx  - HS đọc thầm, t/lời, nx  - Đọc sgk  - HS nêu  - HS lắng nghe  - HS thực hiện . |

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………...

Tiết 6 **TIẾNG VIỆT (BS)**

**Luyện Tiếng Việt**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Xác định đ­ược bài văn tả ngư­ời, nội dung của từng đoạn, những chi tiết tả ngoại hình, hoạt động trong đoạn.

- Viết đư­ợc bài văn tả ng­ười thể hiện khả năng quan sát và diễn đạt.

**2. Năng lực**: HS mạnh dạn tự tin khi thực hiện nhiệm vụ học tập và trình bày ý kiến; tích cực hoạt động và hợp tác với bạn trong nhóm; biết vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập; tự giải quyết vấn đề nhanh gọn và khoa học, đúng với yêu cầu đề bài.

**3. Phẩm chất:** Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Tiếng Việt.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**: TV, MT. Tranh ảnh một số hoạt động của một số nguời.

**2. Học sinh**: VN

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)  - GV mở video  - Nêu cấu tạo của 1 bài văn tả ng­ười.  - Thân bài của bài văn tả ngư­ời cần tả những gì?  - Giới thiệu bài.  **2. Luyện tập**: (32 - 34')  - GV đưa đề bài MH : Em hãy lập 1 dàn ý chi tiết tả một người thân mà em yêu quý nhất.  - Đọc thầm, xác định yêu cầu của bài.  - Bài yêu cầu gì?  - Người thân trong gia đình em là ai?  - Em định tả ai?  - GV hướng dẫn: Để lập được dàn ý chi tiết cho bài văn tả một người trong gia đình các em cần chú ý bám sát bố cục 3 phần của bài văn tả người mà các em đã được học. Đây là tả 1 người thân trong gia đình em vì vậy, các em cần chú ý đến những chi tiết về hình dáng cũng như hoạt động nổi bật của người thân, những đặc điểm riêng mà chỉ người thân mình mới có để làm nổi bật lên tính cách của người mình tả.  =>Muốn làm đ­ược việc đó các em cần  quan sát kĩ, chọn đ­ược những nét riêng biệt tiêu biểu về nghề nghiệp, công việc, hoàn cảnh sống, lứa tuổi....để tả cho phù hợp.  - Cho HS quan sát một vài hình ảnh và yêu cầu HS nêu tên các hoạt động trong từng hình ảnh.  - GV theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần)  - GV gọi HS trình bày bài,  - GV nhận xét  **3. Củng cố**, **dặn dò**: (2 - 4').  - Nêu cấu tạo của bài văn tả ngư­ời?  - Gọi HS nêu cảm nhận sau giờ học.  - Nhận xét chung giờ học.  - Về nhà học bài, chuẩn bị bài sau | - HS khởi động  - HS nêu.  - Tả hình dáng, tính tình, hoạt động của ng­ười đó.  - HS đọc  - Hs nêu  - HS nêu  - HS làm vở nháp  - HS đọc đoạn văn.  - HS khác nhận xét, bổ sung.  - HS nêu  - HS nêu  - HS lắng nghe  - HS thực hiện . |

Tiết 7 **THỂ DỤC**

**Ôn 5 động tác của thể dục. Trò chơi: Kết bạn**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:** Giúp học sinh.

- Ôn 5 động tác vươn thở, tay, chân, vặn mình và toàn thân của bài thể dục phát triển chung. Yêu cầu tập đúng nhịp hô và thuộc bài.

- Chơi trò chơi: “Kết bạn”. Yêu cầu chơi sôi nổi, phản xạ nhanh.

**2. Năng lực:** Rèn luyện năng lực hoạt động độc lập, hợp tác trong nhóm, mạnh dạn, tự tin trước tập thể.

**3. Phẩm chất:** HS có ý thức tập luyện TDTT để rèn luyện sức khỏe.

**II. ĐỊA ĐIỂM, PH­ƯƠNG TIỆN**

- Địa điểm: Trên sân tập

- Phư­­ơng tiện: Còi.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Nội dung và phương pháp | Định lượng | Đội hình đội ngũ |
| **1. Phần mở đầu**  - LT tập hợp lớp, điểm số báo cáo  - GV nhận lớp, phổ biến nội dung, yêu cầu tiết học  - Cho HS chạy chậm theo địa hình tự nhiên  - Cho HS xoay các khớp cổ tay, cổ chân, gối, vai, hông  **2. Phần cơ bản**  a.Ôn 5 động tác đã học (vươn thở, tay, chân, vặn mình, toàn thân )  - Lượt đầu GV điều khiển cho cả lớp tập  - Lượt 2 cho HS luyện tập theo tổ (Nhắc nhở HS chú ý về kĩ thuật và ý thức tổ chức kỉ luật)  - GV bao quát , sửa sai cho HS  - Kiểm tra 5 động tác thể dục đã học  + Nội dung kiểm tra: HS tập 5 động tác thể dục đã học  + Phương pháp kiểm tra: Kiểm tra theo nhóm ( Mỗi nhóm 5 em )  - HS thực hiện theo yêu cầu của GV  - Nhận xét đánh giá.  b.Chơi trò chơi: “Kết bạn”  - Tiến hành tương tự bài 4  **3. Phần kết thúc**  - Cho HS chơi trò chơi hồi tĩnh  - Giáo viên nhận xét, đánh giá kết quả giờ học và giao bài tập về nhà: Ôn 5 động tác vừa học. Nhắc nhở những HS chưa hoàn thành giờ sau kiểm tra lại.  - HS nêu cảm nhận sau tiết học. | 6 - 10’ | 🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹  🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹  🚹 |
|  |
|  |
|  |
| 18 - 22’ |
| 14- 16’ |
|  |
| 4 - 6’ |  |
|  |  |
|  | 🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹  🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹  🚹 |

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………...

**Thứ Tư ngày 22 tháng 11 năm 2023**

Tiết 1 **TOÁN**

**Luyện tập**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**: Giúp học sinh.

- Củng cố về nhân một số thập phân với một số thập phân.

- Nhận biết và áp dụng được tính chất kết hợp của phép nhân các số thập phân trong tính giá trị của biểu thức số.

**2. Năng lực**: HS tích cực chủ động vận dụng kiến thức vào làm tính và giải toán nhanh, chính xác, cách trình bày gọn gàng, khoa học.

**3. Phẩm chất**: Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Toán.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** TV, MT, MS.

**2. Học sinh:** Vở bài tập, nháp, bảng con..

**III. CẤC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)  - GV mở video bài hát  - Tính nhẩm: 12,35 x 0,1; 12,35 x 0,01;  - Muốn nhân nhẩm một số thập phân với 0,1; 0,01; 0,001... ta làm thế làm thế nào?  - Giới thiệu bài:  **2.** **Luyện tập** (32 - 34’)  a. Bài 1/61:  \* Phần a:  - Ta phải thực hiện mấy nhiệm vụ?  - Biểu thức (a x b) x c và a x (b x c) là 2 biểu thức nào?  - Nêu cách làm của 2 biểu thức này?  - GV chấm bài, nhận xét.  - Nêu cách tính giá trị của 2 biểu thức ở dòng 1?  - Nêu cách tính giá trị của 2 biểu thức ở dòng 2?  - Nêu cách làm dòng 3?  - So sánh giá trị của 2 biểu thức ở dòng thứ nhất?  - So sánh giá trị của 2 biểu thức ở dòng thứ nhất?  - Giá trị của 2 biểu thức ở dòng 3 thì sao?  - Giá trị của 2 biểu thức (a x b) x c và a x (b x c) như thế nào khi thay các chữ bằng cùng 1 bộ số?  => Vậy ta có: (a x b) x c = a x (b x c)  - Em đã gặp (a x b) x c = a x (b x c) khi học tính chất nào của phép nhân các STN?  - Vậy phép nhân các STP có tính chất kết hợp không? Hãy giải thích ý kiến của em?  - Hãy phát biểu tính chất kết hợp của phép nhân các số thập phân?  - Gọi HS nêu tính chất.  \* Phần b.  - GV chữa bài, nhận xét  Lần 1: Làm cột 1  - Trình bày các tính thuận tiện của 2 phép tính trên?  - Vì sao em cho rằng cách tính của em là thuận tiện nhất?  Lần 2: Làm cột 2  - Em đã vận dụng tính chất nào để làm bài?  - Tính chất kết hợp được thể hiện cụ thể trong phép tính 7,38 x 1,25 x 80 ntn?  - Vì sao ở phép tính 34,3 x 5 x 0,4 em lại thực hiện tính tích của 5 x 0,4 trước?  - Nêu tính chất KH của phép nhân 2 STP ?  b. Bài 2 /61:  - Bài 2 yêu cầu gì?  - GV chấm bài, soi bài. Nhận xét.  - Trong biểu thức phần a em thực hiện phép tính nào trước, vì sao?  - Ở phần b em tìm được giá trị của biểu thức là bao nhiêu và vì sao em lại thực hiện phép tính nhân trước?  => Nêu cách tính giá trị của biểu thức có và không có ngoặc đơn?  c. Bài 3/ 60: (Dành cho HS tiếp thu nhanh)  \* Dự kiến sai lầm:  - Bài 1b có thể HS không vận dụng tính chất kết hợp để làm mà thực hiện tính giá trị của biểu thức theo thứ tự.  **3. Củng cố, dặn dò** (2 - 3’)  - Em được ôn tập kiến thức gì qua bài học hôm nay ?  - Phát biểu tính chất kết hợp của phép nhân?  - Gọi HS nêu cảm nhận sau tiết học.  - Nhận xét chung giờ học.  - Về nhà học bài, chuẩn bị bài sau | - HS hát  - HS làm miệng  - HS nêu  - HS đọc bài, nêu yêu cầu.  - Thực hiện 2 nhiệm vụ.  - Biểu thức có chứa 3 chữ.  - Phải thay chữ bằng số rồi tính.  - HS làm nháp phần a  - HS nêu  - HS nêu  - HS nêu  - 2 biểu thức có giá trị bằng nhau đều bằng 4,65.  - 2 biểu thức có giá trị bằng nhau đều bằng 16.  - 2 biểu thức có giá trị bằng nhau đều bằng 15,6.  - Giá trị của 2 biểu thức này luôn bằng nhau.  - Tính chất kết hợp của phép nhân các số tự nhiên.  - Phép nhân các STP cũng có tính chất kết hợp vì khi thay chữ bằng các số ta cũng có (a x b) x c = a x (b x c).  - HS nêu.  - HS đọc nhận xét / SGK  - HS làm bảng con.  - HS nêu  - Khi thực hiện 9,65 x 0,4 x 2,5 ta tính tích 0,4 x 2,5 trước vì 0,4 x 2,5 = 1 nên rất thuận tiện cho phép nhân sau là 9,65 x 1 = 9,65.  - Vận dụng tính chất kết hợp để tính bằng cách thuận tiện.  - HS nêu.  - Khi thực hiện 34,3 x 5 x 0,4 ta tính tích 5 x 0,4 trước vì 5 x 0,4 = 2 nên rất thuận tiện cho phép nhân sau là 34,3 x 2 = 68,6.  - HS nêu.  - HS đọc bài, nêu yêu cầu.  - Tính.  - HS làm vở. Chia sẻ.  - HS nêu  - HS nêu  - HS nêu  - HS nêu  - HS nêu  - HS lắng nghe  - HS thực hiện . |

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………...

Tiết 3 **KỂ CHUYỆN**

**Kể chuyện đã nghe, đã đọc**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:** Giúp học sinh.

\* Rèn kĩ năng nói:

- Biết kể tự nhiên, bằng lời của mình một câu chuyện đã nghe, đã đọc có nội dung nói về bảo vệ môi tr­ường.

- Trao đổi đư­ợc với bạn về ý nghĩa câu chuyện.

\* Rèn kĩ năng nghe:

- Chăm chú nghe bạn kể, biết nhận xét lời bạn kể.

- Rèn luyện thói quen ham đọc sách và luôn có ý thức bảo vệ môi tr­ường thiên nhiên, vận động mọi ng­ời cùng tham gia thực hiện; nhận thức đúng đắn về nhiệm vụ bảo vệ môi tr­ường.

- HS kể lại Câu chuyện đã nghe hay đã đọc có nội dung về bảo vệ môi trường, qua đó nâng cao ý thức BVMT.

**2. Năng lực:** Mạnh dạn, tự tin khi trình bày ý kiến và kể chuyện; tích cực HĐN và biết tham gia nhận xét, đánh giá bạn và đánh giá mình khi kể chuyện.

**3. Phẩm chất:** Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Tiếng Việt.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC** - Sách, báo, truyện ... nói về nội dung bảo vệ môi tr­ường, TV, MT.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hoạt động của thầy | | Hoạt động của trò |
| **1. Khởi động, kết nối** (3- 5’)  - GV mở video  - Kể lại đoạn tự chọn trong truyện “Ng­ười đi săn và con nai”.  - Nêu ý nghĩa câu chuyện?  - Giới thiệu bài. GV ghi tên bài  **2. Hình thành kiến thức**  ***a. HD tìm hiểu yêu cầu của đề bài*** (6 - 8’)  - Gọi HS đọc đề bài trong SGK/18  - GV ghi: Hãy kể lại 1 câu chuyện em đã nghe đã đọc có nội dung bảo vệ môi trường  - Đề bài thuộc kiểu bài gì?  - Nội dung truyện kể là gì?  - Nêu các yếu tố tạo thành môi trường?  - Những câu chuyện có nội dung thế nào là bảo vệ môi tr­ường?  - Nêu những truyện có nội dung bảo vệ môi trường mà em biết?  - Giới thiệu câu chuyện tìm đư­ợc ngoài nhà trường?  - Gọi HS đọc gợi ý 2  - Nêu cách kể chuyện ?  - Kể những câu chuyện thế nào cho hay? (GV hướng dẫn cách kể: Giới thiệu trực tiếp hay gián tiếp, kể chuyện có đầu diễn biến, kết thúc... giọng kể phù hợp ...)  ***b. HS kể chuyện***:(22 - 24’)  - Kể cho nhau nghe theo nhóm đôi và trao đổi ý nghĩa câu chuyện? (GV bao quát đến từng bàn nghe HS kể, giúp đỡ HS )  - Gọi HS kể chuyện, nhận xét  + GV nhắc nhở HS: Kể chuyện đầy đủ, đúng nội dung chú ý giọng kể, điệu bộ. HS còn lại lắng nghe nghe bạn kể để nhận xét.  ***c. Tìm hiểu ND ý nghĩa câu chuyện***: (3- 5’)  (Lồng vào mục b)  - Tổ chức cho HS kể chuyện trao đổi với HS cả lớp (ng­ược lại) bằng cách đặt câu hỏi  **3. Củng cố**, **dặn dò**:(2- 4’)  - Theo em chúng ta phải làm gì để môi trường luôn sạch đẹp?  - Gọi HS nêu cảm nhận sau tiết học.  - Nhận xét chung giờ học.  - Về nhà kể lại cho ng­ười thân nghe, chuẩn bị bài sau | - HS hát  - HS kể  - HS nêu  - 1- 2 HS đọc  - Kể chuyện đã nghe, đã đọc.  - Kể về việc bảo vệ môi trường.  - Các yếu tố tạo thành môi  tr­ường là: không khí, n­ước, đất, âm thanh, ánh sáng,…  - HS đọc thầm gợi ý 1/SGK, nêu  - HS giới thiệu tên.  - HS đọc gợi ý 2.  - HS nêu:  Giới thiệu tên truyện.  Mở đầu câu chuyện.  Diễn biến câu chuyện.  + HS đọc thầm gợi ý 3, nêu  - HS kể cho nhau nghe theo nhóm đôi (3’), kết hợp nêu ý nghĩa câu chuyện  - HS kể  - HS khác nhận xét, trao đổi cùng bạn nội dung ý nghĩa câu chuyện.  + Theo bạn câu chuyện tôi kể có ý nghĩa gì?  + Bạn có nhận xét gì về hành động của nhân vật trong chuyện?  - HS nêu  - HS nêu  - HS thực hiện | |

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………...

Tiết 4 **TẬP ĐỌC**

**Hành trình của bầy ong**

***Nguyễn Đức Mậu***

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:** Giúp học sinh.

- Đọc trôi chảy, diễn cảm bài thơ với giọng dàn trải tha thiết, cảm hứng ca ngợi những phẩm chất cao quý, đáng kính trọng của bầy ong.

- Hiểu được những phẩm chất đáng quý của bầy ong: Cần cù làm việc, tìm hoa gây mật, giữ hộ cho ng­ời những mùa hoa đã tàn phai, để lại h­ơng thơm, vị ngọt cho đời

- Thuộc lòng 2 khổ thơ cuối.

**-** HS tiếp thu nhanh thuộc và đọc diễn cảm được toàn bài.

**2. Năng lực:** Rèn cho HS mạnh dạn, tự tin, trình bày ý kiến rõ ràng, ngắn gọn tr­ớc lớp, biết phối hợp với bạn khi làm việc nhóm, biết lắng nghe bạn đọc và trả lời để cùng chia sẻ, nhận xét, đánh giá bạn.

**3. Phẩm chất:** Rèn luyện phẩm chất yêu lao động, cần cù chăm chỉ. Giáo dục học sinh yêu vẻ đẹp vùng biển và biết bảo vệ

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**: Tranh minh hoạ /SGK. TV, MT.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)  - GV mở video  - Đọc đoạn yêu thích bài: Mùa thảo quả.  - Đọc bài văn em cảm nhận đ­ược điều gì?  - GV nhận xét.  - Giới thiệu bài:  + GV cho HS quan sát tranh minh hoạ và hỏi: Hãy nêu những điều em biết về loài ong ?  + Nhà thơ Nguyễn Đức Mậu trong dịp đi theo những bầy ong đã viết bài thơ Hành trình của bầy ong rất hay. Các em cùng tìm hiểu đoạn trích để hiểu đ­ược điều tác giả muốn nói.  - GV ghi tên bài  **2. Hình thành kiến thức**  ***a. Luyện đọc đúng****: (10 - 12’)*  - Gọi 1 HS đọc bài, lớp đọc thầm, tìm hiểu bài chia làm mấy đoạn? (Nhắc HS đọc nhẩm theo để học thuộc lòng 2 khổ thơ cuối.)  - Đọc nối đoạn?  + Rèn đọc đoạn:  \* Hãy thảo luận trong nhóm trong thời gian 2’ tìm cho cô các từ khó, câu dài và các từ cần giải nghĩa nhé.  - Yêu cầu đại diện nhóm chia sẻ.  - GV giúp đỡ HS  \* Đoạn 1:  - Nêu cách đọc đúng đoạn 1?  \* Đoạn 2:  - GV kết hợp h­ướng dẫn HS: Câu 4, câu 6, câu 8: nhịp 4/4; câu 10: nhịp 3/5.  - Nêu cách đọc đúng đoạn 2?  \* Đoạn 3:  - GV kết hợp hư­ớng dẫn HS: Câu 1: nhịp 4/2; câu 2, 4, 6 nhịp 3/5.  - Nêu cách đọc đúng đoạn 4?  - Nêu cách đọc đúng đoạn toàn bài?  - Gọi HS đọc bài.  - GV đọc mẫu toàn bài lần 1.  ***b. Hướng dẫn tìm hiểu bài:*** *(10 - 12’)*  - Những chi tiết nào trong khổ thơ đầu nói lên hành trình vô tận của bầy ong?  - Em hiểu hành trình là chuyến đi như­ thế nào?  => Hành trình của bầy ong là sự vô cùng vô tận của không gian và thời gian. Ong miệt mài bay đến trọn đời, con nọ nối tiếp con kia nên cuộc hành trình vô tận kéo dài không bao giờ kết thúc.  - Bầy ong bay đến tìm mật ở những nơi nào?  - Những nơi ong đến có vẻ đẹp gì đặc biệt?  - Trong câu “Tìm nơi thăm thẳm rừng sâu” em hiểu thăm thẳm ở đây nghĩa là như­ thế nào?  - “Bập bùng” gợi tả màu hoa chuối như­ thế nào?  => Ong chăm chỉ giỏi giang. Bầy ong đi khắp nơi tìm hoa hút mật cho đời.  - Em hiểu nghĩa câu thơ “Đất nơi đâu cũng tìm ra ngọt ngào” là thế nào?  => Bầy ong rong ruổi trăm miền. Từ nơi thăm thẳm rừng sâu, đến nơi bờ biển sóng tràn, rồi ra cả nơi đảo khơi xa và ở nơi đâu cũng tìm ra đư­ợc hoa để chắt chiu mật ngọt.  - Qua 2 dòng thơ cuối tác giả muốn nói điều gì về công việc của loài ong?  - Nêu nội dung chính của bài?  => Qua bài thơ, tác giả muốn ca ngợi bầy ong, chăm chỉ, cần cù. Công việc của bầy ong có ý nghĩa thật đẹp đẽ, lớn lao: ong giữ hộ cho con ng­ười vị ngọt, mùi hương của những mùa hoa trong những giọt mật tinh túy. Th­ưởng thức mật ong, con ng­ười nh­ thấy đ­ược những mùa hoa sống lại, không tàn phai.  ***c. Luyện đọc diễn cảm:*** *(10 - 12’)*  - Yêu cầu đại diện nhóm nêu ý kiến.  \* Đoạn 1: Nêu cách đọc diễn cảm đoạn 1?  \* Đoạn 2: Nêu cách đọc diễn cảm đoạn 2?  \* Đoạn 3: Nêu cách đọc diễn cảm đoạn 3?  - Toàn bài cần đọc với giọng nh­ư thế nào?  - GV đọc mẫu cả bài lần 2.  - Gọi HS đọc bài.  - Đọc thuộc đoạn 3, 4.  - GV nhận xét, đánh giá, tư­ vấn cho HS.  **3. Củng cố**, **dặn dò**:(2- 4’)  - Nêu nội dung chính của bài?  - Qua hình ảnh bầy ong tác giả muốn nhắc nhở chúng ta điều gì? (Bảo vệ loài ong côn trùng có ích.)  - Gọi HS nêu cảm nhận sau tiết học.  - Nhận xét chung giờ học.  - Về nhà học bài, chuẩn bị bài sau | - HS khởi động  - HS đọc  - Bài văn cho ta thấy vẻ đẹp, h­ương thơm đặc biệt, sự sinh sôi, phát triển nhanh đến bất ngờ của thảo quả qua nghệ thuật miêu tả đặc sắc của nhà văn.  - HS quan sát tranh, trả lời: Ong là những con vật chăm chỉ, chuyên cần, làm nhiều việc có ích như­: hút nhụy hoa làm nên mật ngọt cho người, thụ phấn làm cho cây đơm hoa, kết trái, ong rất đoàn kết có tổ chức.  - 1 HS đọc to bài, HS đọc thầm theo, chia đoạn (3 đoạn).  + Đoạn 1: Khổ 1  + Đoạn 2: Khổ 2 + 3  + Đoạn 3: Khổ 3  - 3 HS đọc  - HS thảo luận nhóm đôi (2’): tìm các từ khó phát âm, câu dài, nghĩa của các từ khó trong bài.  - Đại diện nhóm chia sẻ tr­ớc lớp.  \* Dự kiến phư­ơng án trả lời  + Ch­ưa hiểu nghĩa từ ngữ: Đẫm  - HS đọc thầm chú giải/ SGK, nêu  - Đọc to rõ ràng, trôi chảy, l­ưu loát, ngắt nhịp đúng  - HS luyện đọc đoạn 1 theo dãy.  + Đọc đúng: Rong ruổi, nối liền.  - HS đọc câu 7, 8.  + Đọc đúng câu 4, câu 6, 8, 10  + Chư­a hiểu nghĩa từ ngữ: Rong ruổi, nối liền mùa hoa  - HS đọc thầm chú giải/ SGK, nêu  - Đọc to rõ ràng, trôi chảy, l­ưu loát, ngắt nghỉ đúng dấu câu.  - HS luyện đọc đoạn 2 theo dãy.  + Đọc đúng câu 1, câu 2, 4, 6  + Giải nghĩa: Men. HS đọc chú giải /SGK.  - Đọc to rõ ràng, trôi chảy, l­u loát, ngắt nhịp đúng dòng thơ.  - HS luyện đọc đoạn 4 theo dãy.  \* HS đọc thầm nhóm đôi (1’)  - Toàn bài đọc trôi chảy, l­ưu loát đọc đúng nhịp của các câu thơ.  - HS đọc (1-2 em)  - HS lắng nghe  - HS đọc thầm đoạn 1  - Chi tiết: đẫm nắng trời, nẻo đ­ờng xa, bầy ong bay đến trọn đời, thời gian vô tận => thể hiện sự vô cùng của không gian và thời gian..  - Hành trình là chuyến đi xa, dài ngày, nhiều gian nan, vất vả.  - HS đọc thầm đoạn 2.  - Bầy ong bay đến tìm mật ở: rừng sâu, biển xa, quần đảo.  - Những nơi ong đến đều có vẻ đẹp đặc biệt của các loài hoa:  + Nơi rừng sâu: bập bùng hoa chuối, trắng màu hoa ban.  + Nơi biển xa: hàng cây chắn bão dịu dàng mùa hoa.  + Nơi quần đảo: loài hoa nở nh­ là không tên.  - Thăm thẳm là nơi rừng rất sâu.  - Bập bùng gợi tả màu hoa chuối đỏ nh­ư những ngọn lửa cháy sáng.  - Câu thơ muốn nói đến bầy ong rất chăm chỉ, giỏi giang, đến nơi nào cũng tìm ra đ­ợc hoa để làm mật, đem lại h­ơng vị ngọt ngào cho cuộc đời.  - HS đọc thầm đoạn 3  - Qua 2 dòng thơ cuối tác giả muốn ca ngợi công việc của bầy ong, bầy ong đã đem lại cho cuộc đời cho con ng­ời những giọt mật ngọt để con người cảm nhận được những mùa hoa đã tàn phai còn lại trong mật ong.  - Bài thơ ca ngợi loài ong chăm chỉ, cần cù, làm 1 công việc vô cùng hữu ích cho đời: nối các mùa hoa, giữ hộ cho ng­ời những mùa hoa đã tàn phai.  - HS thảo luận nhóm đôi tìm cách đọc diễn cảm từng đoạn (2’)  \* Dự kiến trả lời của HS:  - Đọc chậm, nhấn giọng ở những từ: “đẫm, trọn đời, vô tận”  - HS luyện đọc đoạn 1 theo dãy.  - Đọc giọng tha thiết, ca ngợi phẩm chất đáng quý của bầy ong, nhấn giọng : “rong ruổi, rù rì, nối liền, ngọt ngào”  - HS luyện đọc đoạn 2 theo dãy.  - HS luyện đọc đoạn 3 theo dãy.  - Đọc giọng tha thiết, ca ngợi đặc điểm đáng quý của bầy ong.  - HS lắng nghe  - HS đọc đoạn (4 HS), đọc đoạn yêu thích (2- 3 HS), đọc cả bài  - HS đọc thuộc lòng (3- 4 em )  - HS nêu  - HS nêu  - HS lắng nghe  - HS thực hiện . |

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………...

Tiết 5  **KĨ THUẬT**

**Cắt, khâu, thêu tự chọn (T.1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:** HS cần phải:

- Biết chọn một sản phẩm khâu thêu mình ưa thích.

- Vận dụng kiến thức đã học để làm được sản phẩm mình yêu thích.

**-** Rèn kĩ năng cắt, khâu, thêu

- Giáo dục học sinh yêu thích môn học. Yêu lao động. Yêu thích sản phẩm mình làm ra.

**2. Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mĩ, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác.

**3. Phẩm chất:** Giáo dục tính cẩn thận, tỉ mỉ và kiên trì cho học sinh. Yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**: Một số sản phẩm khâu thêu đã học. Tranh ảnh của các bài đã học. Kéo, kim chỉ, vải, ...TV, MT, MS.

**2. Học sinh**: Bộ đồ dùng

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)  - GV mở video  - Nêu cách đính khuy 2 lỗ trên vải?  - Nêu sự khác nhau về khoảng cách lên kim và xuống kim trên 2 đường vạch dấu khi thêu dấu nhân ?  - GV nhận xét  - GV giới thiệu ghi tên bài: Em hãy vận dụng các kiến thức đã học để làm 1 sản phẩm mà em ưa thích.  **2. Hình thành kiến thức**  ***HĐ1: Ôn những nội dung đã học trong chương 1.(*** *3- 5’)*  - GV đặt câu hỏi:  - Nêu cách đính khuy 2 lỗ, 4 lỗ trên vải?  - Nêu sự khác nhau về khoản cách lên kim và xuống kim trên 2 đường vạch dấu khi thêu dấu nhân ?  - Em hãy vận dụng các kiến thức đã học để làm 1 sản phẩm mà em ưa thích.  - GV nhận xét  ***HĐ2: Học sinh thảo luận nhóm để chọn sản phẩm thực hành****: (3- 5’)*  \* Mục tiêu: Biết chọn một sản phẩm khâu thêu mình ưa thích.  \* Cách tiến hành:  - GV nêu yêu cầu  - Mỗi học sinh thực hành một sản phẩm  ***HĐ3 :Thực hành***:*(20-22’)*  \* Mục tiêu: Thực hành một sản phẩm khâu thêu mình ưa thích.  \* Cách tiến hành:  - Yêu cầu HS thực hành và làm sản phẩm tự chọn.  - GV theo dõi tiếp các nhóm và gơi ý đánh giá chéo sản phẩm với nhau.  - Giáo viên nhận xét, đánh giá kết quả thực hành của HS.  **3. Củng cố- Dặn dò**: (2- 3’)  - Gọi HS nêu cảm nhận sau tiết học.  - Nhận xét chung giờ học.  - Nhắc nhở HS về nhà chuẩn bị tiết học sau. Thực hành tiếp. | - HS khởi động  - Vạch dấu các điểm đính khuy trên vải.  - HS nêu  - Học sinh đọc lại.  - HS trả lời câu hỏi.  - Vạch dấu các điểm đính khuy trên vải.  - Đính khuy vào các điểm vạch dấu.  Đo, cắt vải và khâu thành sản phẩm. Có thể đính khuy hoặc thêu trang trí.  - HS nêu  - HS chọn sản phẩm.  - HS thực hành và làm sản phẩm tự chọn.  - HS nêu  - HS lắng nghe  - HS thực hiện . |

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………...

Tiết 6 **TOÁN (BS)**

**Luyện toán**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:** Giúp học sinh.

- Biết và vận dụng được quy tắc nhân nhẩm một số thập phân với 0,1; 0,01; 0,001, …

- Rèn luyện kĩ năng thực hiện nhân 1 số thập phân với 1 số thập phân.

- Củng cố kĩ năng chuyển đổi các số đo đại lượng.

- Ôn về tỉ lệ bản đồ.

**2. Năng lực:** HS tích cực chủ động vận dụng kiến thức vào làm tính và giải toán nhanh, chính xác, cách trình bày gọn gàng, khoa học.

**3. Phẩm chất:** Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Toán.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- VBT, TV, MT, MS.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| **1. Khởi động, kết nối** (3 - 5’)  - GV mở video  - Muốn nhân một số thập phân với một số thập phân ta làm thế nào?  **2.** **Luyện tập** (32 - 34’)  a. Bài 1/73:  - GV soi bài, chữa bài  => Muốn nhân một số thập phân với 0,1; 0,01; 0,001...ta làm thế nào?  b. Bài 2 /60:  - Bài yêu cầu gì?  - GV nhận xét, chữa.  - Em làm thế nào để đổi được 1200ha = 12 km2; 16,7 ha = 0,167km2?  - Muốn đổi đơn vị đo diện tích từ lớn sang nhỏ ta làm thế nào?  - Ngoài ra còn có cách làm nào cũng cho ra kết quả như vậy?  c. Bài 3/60:  - Bài toán hỏi gì?  - Em hiểu tỉ lệ bản đồ 1: 1 000 000 nghĩa là như thế nào?  - GV chấm, chữa.  \* Dự kiến sai lầm:  - Khi nhân 1 số thập phân với 0,1; 0,01... HS còn nhầm lẫn với nhân 1 số thập phân với 10; 100  **3.** **Củng cố, dặn dò** (2 - 3’)  - Điều quan trọng nhất em học được hôm nay là gì ?  - Muốn nhân một số thập phân với 1 số thập phân ta làm thế nào?  - Muốn nhân một số thập phân với 0,1; 0,01; 0,001...ta làm thế nào?  - Gọi HS nêu cảm nhận sau tiết học.  - Nhận xét chung giờ học.  - Về nhà học bài, chuẩn bị bài sau | - HSkhởi động  - HS nêu  - HS nêu yêu cầu  - HS làm VBT  - HS nêu.  - HS đọc yêu cầu  - Đổi ra đơn vị là km2  - HS VBT, nêu cách làm 1 vài trường hợp  - HS nêu  - HS đọc bài.  - Nhân các số đo diện tích đó với 0,01 cũng cho ra kết quả như vậy.  - HS đọc bài.  - Tìm độ dài thật của quãng đường từ TP HCM đến Phan Rang.  - Nghĩa là độ dài 1 cm trên bản đồ bằng 1 000 000 cm trên thực tế.  - HS làm vở 1 HS chữa bảng phụ.  - HS đổi vở soát bài cho nhau  \* Dự kiến câu hỏi chia sẻ của HS:  + Muốn tìm được độ dài thật của quãng đường từ TP HCM đến Phan Rang bạn phải làm gì trước?  + Bạn tìm quãng đường từ TP HCM đến Phan Rang bằng cách nào?  + Tớ muốn hỏi các bạn là: để tìm độ dài thật khi biết độ dài thu nhỏ và tỉ lệ bản đồ tớ đã làm như thế nào?  + Để làm được bài này bạn đã vận dụng những kiến thức nào?  - HS nêu  - HS nêu  - HS nêu  - HS nêu  - HS lắng nghe  - HS thực hiện. |

Tiết 7 **TỰ HỌC (TV)**

**Ôn tập**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức kĩ năng**

- HS ôn tập Tiếng Việt tuần 11, 12 ở phân môn đã học mà HS chưa hoàn thiện

**2. Năng lực:** Tự xác định phân môn chưa hoàn thành trong tuần đã học để làm bổ sung.

**3. Phẩm chất:** Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Tiếng Việt.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. GV:** TV, MT, MS. Phấn màu.

**2. HS:** Vở BT, nháp.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)  - GV mở video  + Em hãy nêu các bài học của tuần này?  - Giới thiệu bài:  **2. Ôn tập**: (32- 34’)  - GV cho HS mở SGK, Vở bài tập TV.  - Yêu cầu HS tự làm bài nào còn thiếu. Nếu HS đã hoàn thiện thì tự đọc thầm các bài tập đọc đã học  - GV quan sát giúp đỡ.  **3. Củng cố**, **dặn dò**: (2- 4’)  - GV liên hệ…  - Gọi HS nêu cảm nhận sau tiết học.  - Nhận xét chung giờ học.  - Về nhà học bài, chuẩn bị bài sau. | - HS khởi động  - HS nêu  - HS lấy SGK, VBT để làm .  - HS làm bài.  - HS nêu  - HS lắng nghe  - HS thực hiện . |

**Thứ Năm ngày 24 tháng 11 năm 2023**

Tiết 2 **TOÁN**

**Luyện tập chung**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**: Giúp học sinh.

- Củng cố về phép cộng, phép trừ, phép nhân các số thập phân.

- B­ước đầu biết nhân một tổng các số thập phân với một số thập phân.

**2. Năng lực**: Rèn cho HS năng lực hợp tác, chia sẻ với bạn trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập; mạnh dạn trình bày ý kiến trước lớp.

**3. Phẩm chất**: Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Toán.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Bảng phụ, phấn màu.TV, MT, MS

**2. Học sinh:** BC, nháp.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)  - GV mở video bài hát  - Đặt tính rồi tính: 57,8 x 9,3  - GV chữa bài, nhận xét.  => Muốn nhân 1 số thập phân với 1 số thập phân ta làm thế nào?  - Giới thiệu bài:  **2. Luyện tập** (32 - 34’)  a. Bài 1/61  - Nêu cách đặt tính, cách thực hiện phép tính.  => Nêu b­ước đặt tính, khi thực hiện phép cộng, phép trừ 2 số thập phân?  - Nêu b­ước viết dấu phẩy ở tính của phép nhân hai số thập phân ?  b. Bài 2/61  - Nêu cách làm của phép tính.  =>Nêu cách nhân nhẩm 1 số thập phân với 10; 100; 1000; 0,1; 0,01?  c. Bài 3/62:  d. Bài 4/62. Phần a  - GV gọi HS đọc bài, xác định yêu cầu.  - Nhận xét giá trị của (a + b ) x c và a x c + a x b.  - Đây là tính chất nào của phép nhân?  => Muốn nhân 1 tổng với 1 số em làm thế nào?  - GV chấm, chữa bài. Đưa đáp án đúng lên MH  =>Muốn nhân một tổng với 1 số ta làm thế nào?  \* Dự kiến sai lầm: Bài 4 HS chư­a biết vận dụng tính chất nhân 1 tổng với 1 số để làm.  **3. Củng cố, dặn dò**: (2 - 3')  - Nêu cách cộng, trừ, nhân số thập phân?  - Gọi HS nêu cảm nhận sau tiết học.  - Nhận xét chung giờ học.  - Về nhà học bài, chuẩn bị bài sau. | - HS hát  - HS làm bảng con.  - HS nêu  - HS đọc bài, nêu yêu cầu  - HS làm bảng con, nêu cách làm  - HS nêu`  - HS đọc bài, nêu yêu cầu  - HS làm vở, soi bài chia sẻ nêu cách làm  - HS nêu  - (Dành cho HS nhanh)  - HS đọc bài, nêu yêu cầu.  - HS làm phần a  - (a + b) x c = a x c + b x c hoặc a x c + b x c = (a + b) x c.  - HS nêu  - HS nêu  - HS nêu  - HS nêu  - HS lắng nghe  - HS thực hiện. |

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………...

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tiết 3  **TẬP LÀM VĂN**

**Cấu tạo của bài văn tả người**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**: Giúp học sinh.

- Hiểu được cấu tạo của bài văn tả người gồm 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài.

- Lập được dàn ý chi tiết miêu tả một người thân trong gia đình. Nêu bật được hình dáng, tính tình và hoạt động của người đó.

**2. Năng lực:** Rèn cho HS năng lực hợp tác, chia sẻ với bạn trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập; mạnh dạn trình bày ý kiến trước lớp.

**3. Phẩm chất**: Rèn cho HS phẩm chất kính trên nhường dưới, quan tâm chia sẻ với mọi người.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**: TV, MT, giáo án điện tử.

**2. Học sinh**: vở bài tập Tiếng Việt

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)  - GV mở video bài hát  - Cho HS khởi động chơi trò chơi: Truyền thư.  - GV nhận xét khen cả lớp.  - Giới thiệu bài:Cấu tạo của bài văn tả người. GV ghi tên bài  **2. Hình thành kiến thức**  ***a. Nhận xét:*** *(13- 15’)*  - GV đưa tranh trong SGK/119 lên màn hình: Đây là bức tranh vẽ hình ảnh một anh thanh niên đang cày ruộng. Vậy qua quan sát tranh, em có cảm nhận gì về anh thanh niên này?  => Vậy cảm nhận của các bạn có đúng không chúng ta cùng tìm hiểu vào bài nhé.  - Đọc thầm cho cô phần nhận xét.  => Trong bài có một số từ địa phương vậy để hiểu nghĩa của những từ này cô mời 1 bạn đọc cho cô phần chú giải.  - Hạng A Cháng là người dân tộc nào và anh sống ở đâu?  =>Hạng A Cháng là người con của dân tộc Hmông, sống ở dưới chân núi Tơ Bo một vùng núi ở phía bắc của nước ta và anh làm nghề nông.  - Phần nhận xét có mấy yêu cầu là những yêu cầu nào?  \* Các em ạ phần nhận xét này có 2 yêu cầu. Yêu cầu thứ nhất là đọc bài Hạng A Cháng và yêu cầu thứ 2 là trả lời các câu hỏi ở cuối bài. Để trả lời được các câu này GV chia lớp thành nhóm 6 và giao nhiệm vụ cho các nhóm:  + Nhóm 1: Đọc yêu cầu và trả lời câu hỏi 1: Xác định phần mở bài và cho biết tác giả giới thiệu người định tả bằng cách nào?  + Nhóm 2: Đọc yêu cầu và trả lời câu hỏi 2: Ngoại hình của A Cháng có những điểm gì nổi bật?  + Nhóm 3: Đọc yêu cầu và trả lời câu hỏi 3: Qua đoạn văn miêu tả hoạt động của A Cháng, em thấy A Cháng là người như thế nào?  + Nhóm 4: Đọc yêu cầu và trả lời câu hỏi 4: Tìm phần kết bài và nêu ý chính của nó?  \* Hết thời gian của vòng 1 hãy lập nhóm mới cho cô.GV giao nhiệm vụ mới cho các nhóm: Từ bài văn trên và kết quả ở vòng 1 các nhóm thảo luận trả lời câu hỏi 5: Từ bài văn trên, nhận xét về cấu tạo của bài văn tả người ?  - GV nhận xét, hướng dẫn HS chia sẻ kết quả thảo luận.  Câu 1 : Xác định phần mở bài và cho biết tác giả giới thiệu người định tả bằng cách nào?  - Gọi 1HS xác định phần mở bài?  - Tác giả giới thiệu người định tả bằng cách nào?  - Tác giả đã mở bài theo cách nào?  => Có nhiều cách mở bài khác nhau: Có thể giới thiệu trực tiếp, giới thiệu gián tiếp thông qua 1 hoạt động, hoặc 1 kỉ niệm…A Cháng có một thân hình cân đối như một con ngựa tơ 2 tuổi và khỏe quá, đẹp quá. Vậy ngoại hình của A Cháng có đẹp như lời khen của các cụ già không thì ta tìm hiểu câu hỏi 2.  Câu 2 : Ngoại hình của A Cháng có những điểm gì nổi bật?  - Để trả lời được câu hỏi này cô muốn biết đoạn văn nào tả ngoại hình của Hạng A Cháng? Hãy đọc đoạn văn đó?  - Ngoại hình của A Cháng có những điểm gì nổi bật?  => Đây là những đặc điểm ngoại hình tiêu biểu nổi bật vì A Cháng là 1 người lao động thuần nông làm việc bằng chân tay nên phát triển về cơ bắp.  - Qua những đặc điểm nổi bật đó em thấy A Cháng là 1 chàng trai có ngoại hình như thế nào?  - Khi tả ngoại hình của 1 người ta cần tả những gì?  => Để tả ngoại hình của nhân vật ta có thể chọn tả rất nhiều đặc điểm khác nhau. Tuy nhiên, các em cần chọn tả những nét tiêu biểu nổi bật nhất để phân biệt được người này với người khác.  Các em đã biết được những đặc điểm ngoại hình nổi bật của A Cháng. Thế còn hoạt động của A Cháng khi làm việc như thế nào ta cùng tìm hiểu câu hỏi 3.  Câu 3: Qua đoạn văn miêu tả hoạt động của A Cháng em thấy A Cháng là người như thế nào?  - Chi tiết nào cho em biết điều đó?  => Để tả hoạt động của A Cháng tác giả đã sử dụng rất nhiều động từ như: nắm, nhìn, nhoài, rạp hẳn xuống, soải, băm. Qua những động từ này ta thấy được tư thế và động tác của A Cháng khi hoạt động. A Cháng là 1 người lao động tuy còn trẻ nhưng anh làm việc rất miệt mài, chăm chỉ, chắm chắm vào công việc, say mê với công việc. Khi làm việc anh quên hết tất cả mọi thứ chỉ nhìn thẳng và rất tập trung vào công việc vì thế chắc chắn là hiệu quả công việc của anh sẽ rất cao.  - Khi chọn tả hoạt động em cần chọn những từ ngữ như thế nào?  - Phần tả ngoại hình, hoạt động của A Cháng thuộc phần nào của bài văn tả người?  => Ngoại hình của A Cháng nổi bật như vậy, hình ảnh của anh càng đẹp hơn khi anh làm việc. Vậy dân làng có thái độ như thế nào đối với anh chúng ta cùng tìm hiểu câu hỏi số 4.  Câu 4: Tìm phần kết bài và nêu ý chính của nó?  - Ở phần kết bài này tác giả đã nêu được gì?  - Vậy kết bài của bài văn tả người em cần nêu được gì?  => Tác giả đã kết bài bằng cách thể hiện lòng tự hào của dân làng với Hạng A Cháng vì anh có ngoại hình đẹp, có sức khỏe tốt và hơn thế nữa là ở tinh thần và thái độ làm việc của anh. Tác giả đã xây dựng lên hình ảnh anh là 1 người con tiêu biểu của dân tộc Hmông 1 dân tộc ít người đang định cư ở chân núi Tơ Bo. Ngoài cách kết bài trên còn có rất nhiều cách kết bài khác như: Kết bài bằng cách thể hiện sự yêu quý, sự kính trọng hoặc học theo tấm gương của người được tả.  - Để tả Hạng A Cháng tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì? Đọc câu văn có hình ảnh so sánh đó?  => Khi tả người nói riêng hoặc khi miêu tả nói chung em cần sử dụng những biện pháp nghệ thuật so sánh, nhân hóa để bài văn hay hơn, sinh động hơn.  - Bài Hạng A Cháng có cấu tạo gồm mấy phần? Mỗi phần tác giả nêu nội dung gì?  - Hình thức trình bày của bài Hạng A Cháng như thế nào?  => Phần thân bài các em có thể trình bày bằng nhiều đoạn văn…  Câu 5: Qua bài văn Hạng A Cháng, em có nhận xét gì về cấu tạo của bài văn tả người?  => Đó cũng là nội dung phần ghi nhớ SGK/ 120  - GV có thể hỏi thêm về phần ghi nhớ:  + Ở bài văn tả người em có thể mở bài theo những cách nào?  + Phần thân bài gồm mấy ý, là những ý nào?  + Hai ý này em có thể trình bày như thế nào?  + Em có thể kết bài theo những cách nào?  ***b. Hướng dẫn thực hành:*** *(17- 19’)*  - Đọc thầm, xác định yêu cầu của bài.  - Bài yêu cầu gì?  - Người thân trong gia đình em là ai?  - Em định tả ai?  - GV hướng dẫn: Để lập được dàn ý chi tiết cho bài văn tả một người trong gia đình các em cần chú ý bám sát bố cục 3 phần của bài văn tả người mà các em vừa được học. Đây là tả 1 người thân trong gia đình em vì vậy, các em cần chú ý đến những chi tiết về hình dáng cũng như hoạt động nổi bật của người thân, những đặc điểm riêng mà chỉ người thân mình mới có để làm nổi bật lên tính cách của người mình tả.  - GV theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần)  - Trước khi gọi HS trình bày bài, GV nêu tiêu chí để HS nhận xét :  + Dàn ý đã đủ 3 phần chưa?  + Mở bài bạn đã giới thiệu được người định tả chưa?  + Thân bài đã tả được những nét nổi bật của người đó chưa?  + Kết bài đã nêu được cảm nghĩ của người tả chưa?  - GV chữa bài bằng máy soi.  - Gọi HS trình bày, nhận xét  - GV nhận xét, bổ sung giúp HS hoàn thiện bài.  => Khi lập dàn ý chi tiết cho 1 bài văn tả người các em cần bám sát vào bố cục của bài. Ngoài ra các em cần chú ý lựa chọn những đặc điểm tiêu biểu , dùng từ ngữ miêu tả phù hợp để làm nổi bật đặc diểm ngoại hình cũng như tính cách hoạt động của người đó.  **3. Củng cố**, **dặn dò**:(2 - 4’)  - Nêu cấu tạo của bài văn tả người?  - Gọi HS nêu cảm nhận sau tiết học.  - Nhận xét chung giờ học.  - Về nhà học bài, chuẩn bị bài sau | - HS hát bài hát : Lớp chúng mình kết hợp truyền một phong thư có câu hỏi. Bài hát kết thúc HS mở phong thư và trả lời câu hỏi: Nêu cấu tạo của bài văn tả cảnh?  - HS lắng nghe.  - HS quan sát tranh, nêu cảm nhận.  - HS đọc thầm, đọc to phần nhận xét.  - 1HS đọc chú giải.  - Là người dân tộc Hmông, sống ở dưới chân núi Tơ Bo.  - Phần nhận xét có 2 yêu cầu: Đọc bài văn và trả lời câu hỏi.  - Các nhóm nhận nhiệm vụ học tập.  - Các nhóm thảo luận và thống nhất ý kiến (2’)  - Các thành viên trong nhóm chia sẻ với nhau về câu hỏi và câu trả lời của vòng 1.  - Các nhóm chia sẻ kết quả thảo luận.  - HS nêu câu hỏi, các nhóm khác trả lời, nhận xét, bổ sung.  - 1HS đọc câu 1  - 1HS xác định phần mở bài: Từ đầu...đẹp quá!  - Giới thiệu về Hạng A Cháng bằng cách đưa ra lời khen của các cụ già trong làng.  - Tác giả đã mở bài theo cách gián tiếp qua lời khen của các cụ già trong làng.  - 1HS đọc câu 2  - Đoạn văn 2 + 3 + 4 tả ngoại hình của Hạng A Cháng.  - 1HS đọc đoạn văn.  - Ngực nở vòng cung, da đỏ như lim, bắp tay, bắp chân rắn như trắc gụ…  - A Cháng là chàng trai khỏe mạnh và lực lưỡng.  - Khi tả ngoại hình của 1 người ta cần tả những đặc điểm nổi bật về tầm vóc, cách ăn mặc, khuôn mặt, mái tóc, cặp mắt, hàm răng,…  - 1HS đọc câu 3  - 1 HS đọc đoạn văn tả hoạt động.  + Lao động chăm chỉ, cần cù, say mê, tập trung cao độ đến mức chăm chắm vào công việc.  - HS nêu.  - Khi chọn tả hoạt động em cần chọn những từ ngữ chỉ hoạt động tiêu biểu, nổi bật nhất.  - Phần tả ngoại hình, hoạt động của A Cháng thuộc phần thân bài của bài văn tả người  - HS đọc phần kết bài.  + Ca ngợi sức lực tràn trề của Hạng A Cháng là niềm tự hào của dòng họ Hạng.  - Ở phần kết bài này tác giả đã nêu được niềm tự hào của dân làng về sức lực tràn trề của Hạng A Cháng.  - Nêu được thái độ, tình cảm, nhận xét đối với người được tả.  - Biện pháp nghệ thuật so sánh.  1HS đọc câu văn có hình ảnh so sánh.  - HS nêu.  - Phần mở bài trình bày bằng 1 đoạn văn…  - HS nêu.  - HS đọc ghi nhớ sgk/120.  - Ở bài văn tả người em có thể mở bài theo cách trực tiếp hoặc gián tiếp.  - Phần thân bài gồm 2 ý: là tả ngoại hình và tả hoạt động.  - HS nêu  - Em có thể kết bài theo cách mở rộng hoặc không mở rộng.  - HS đọc thầm, đọc to yêu cầu.  - Lập dàn ý chi tiết cho bài văn tả một người trong gia đình em.  - HS nêu.  - HS tiếp nối nhau phát biểu ý kiến.  - HS làm bài vào vở nháp.  - HS trình bày dàn ý.  - HS khác nhận xét về bố cục, nội dung, cách diễn đạt, trình bày.  - HS nêu  - HS lắng nghe  - HS thực hiện . |

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………...

Tiết 4 **LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**Luyện tập về quan hệ từ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:** Giúp học sinh.

- Xác định được quan hệ từ trong câu, ý nghĩa của quan hệ từ và cặp quan hệ từ trong câu cụ thể.

- Sử dụng đúng các quan hệ từ thích hợp với các câu cụ thể.

- Sử dụng quan hệ từ đúng mục đích trong khi đặt câu

- HS tiếp thu nhanh đặt được 3 câu với 3 quan hệ từ nêu ở BT4.

**2. Năng lực**: Rèn cho HS mạnh dạn, tự tin khi thực hiện nhiệm vụ học tập và trình bày ý kiến ; tích cực hoạt động và hợp tác với bạn trong nhóm. Biết vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập; tự giải quyết vấn đề nhanh gọn và khoa học, đúng với yêu cầu đề bài.

**3. Phẩm chất**: Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Tiếng Việt.

\* GDMT:Yêu vẻ đẹp của thiên nhiên (bài tập 3) ý thức BVMT sạch đẹp.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**: Phấn màu. TV, MT.

**2. Học sinh**: Từ điển Tiếng Việt, vở bài tập.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)  - GV mở video  - Quan hệ từ là gì?  - Đặt câu với một quan hệ từ ?  - GV nhận xét.  - Giới thiệu bài.  **2. Hướng dẫn thực hành:** (32 - 34’)  \* Bài 1**/**121  - Đọc thầm, nêu yêu cầu của bài ?  - Bài yêu cầu gì?  - GV hướng dẫn: gạch 2 gạch dưới từ quan hệ, gạch 1 gạch dưới những từ ngữ được nối với nhau bằng quan hệ từ đó.  - GV chấm, chữa bài, nhận xét.  - Trong bài có những quan hệ từ đó là từ nào?  - Quan hệ từ “của” nối những từ ngữ nào trong câu?  - “cái cày” với “người Hmông” thuộc bộ phận nào trong câu?  - Vậy khi muốn nối những từ ngữ cùng giữ chức vụ làm chủ ngữ làm trong câu em dùng quan hệ từ nào và quan hệ từ đó biểu thị mối quan hệ gì?  - Quan hệ từ “bằng” nối những từ ngữ nào trong câu?  - “bắp cày” với “gỗ tốt màu đen” giữ chức vụ gì trong câu ?  - Em đã dùng quan hệ từ “bằng” để liên kết những bộ phận nào trong câu?  - Quan hệ từ “như (1); như (2) ” nối những từ ngữ nào trong câu?  - Trong câu trên: “vòng” với “hình cái cung” giữ chức vụ gì trong câu?  - “hùng dũng” với “một chàng hiệp sĩ cổ đeo cung ra trận” giữ chức vụ gì trong câu?  - Vậy quan hệ từ “như ”dùng để làm gì?  =>Nêu tác dụng của quan hệ từ?  \*Bài 2/121  - Nêu yêu cầu của bài?  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi (3’) thực hiện yêu cầu của bài.  - GV nhận xét, chữa bài.  - Nêu từ in đậm ở phần a, b, c?  - Các từ: nhưng; mà; Nếu … thì… được  gọi là gì?  - Các quan hệ từ này dùng để làm gì?  - Quan hệ từ “nhưng” biểu thị quan hệ gì? Vì sao em biết?  - Ở phần b thì sao?  - Ngoài quan hệ từ nhưng; màcòn có những quan hệ từ nào cũng thể hiện quan hệ tương phản?  - Em có nhận xét gì về các QHT ở phần c?  - Cặp QHT này thể hiện quan hệ gì?  - Hãy kể thêm các QHT hoặc cặp QHT biểu thị quan hệ điều kiện, giả thiết - kết quả?  - Em có nhận xét gì về vị trí của các QHT trong câu?  => Quan hệ từ dùng để làm gì?  \*Bài 3/121  - GV chấm bài, nhận xét.  - ở phần a em điền quan hệ từ nào vào ô trống?  - Vì sao em lại điền QHT và?  - Phần b thì sao?  - QHT và, ở, của trong câu trên bạn dùng đã đúng nghĩa chưa? Vì sao?  - Em dùng QHT nào để điền vào phần c?  - QHT thì thể hiện mối liên hệ như thế nào?  - ở phần c em điền quan hệ từ nào vào ô trống?  - Các QHT bạn dùng trong câu này có thích hợp không? Và nó thể hiện mối liên hệ như thế nào?  => Muốn chọn đúng quan hệ từ để điền vào ô trống trong câu văn cần lưu ý gì?  => Bầu trời, vầng trăng, mảnh đất là những cảnh vật thiên nhiên trong môi trường xung quanh chúng ta. Em phải làm gì để giữ gìn cho những cảnh vật đó ở quê hương em ngày càng tươi đẹp?  \*Bài 4/121  - Đọc thầm, nêu yêu cầu?  - GV nhận xét, chú ý sửa chữa cho cách diễn đạt.  - Em có nhận xét gì về cách trình bày câu của bạn?  - Em có nhận xét gì về vị trí của các quan hệ từ?  - Trong câu của bạn có QHT nào?  => Khi đặt câu với các quan hệ từ cho trước em cần lưu ý gì?  **3. Củng cố**, **dặn dò**:(2 - 4’)  - Nêu tác dụng của quan hệ từ, cặp quan hệ từ?  - Về nhà chuẩn bị bài sau: “Mở rộng vốn từ: Bảo vệ môi trường”  - Gọi HS nêu cảm nhận sau tiết học.  - Nhận xét chung giờ học.  - Về nhà học bài, chuẩn bị bài sau | - HS khởi động  - HS đặt câu.  - HS lắng nghe.  - HS đọc bài, xác định yêu cầu.  - Tìm các quan hệ từ trong đoạn trích dưới đây và cho biết mỗi quan hệ từ nối những từ ngữ nào trong câu.  - HS làm VBT, nêu miệng.  - Trong bài có những quan hệ từ là: của, bằng, như (1), như (2).  - Quan hệ từ “của” nối “cái cày” với “người Hmông”  - “cái cày” với “người Hmông” thuộc bộ phận chủ ngữ.  - Khi muốn nối những từ ngữ cùng giữ chức vụ làm chủ ngữ làm chủ ngữ trong câu em dùng quan hệ từ “của” biểu diễn quan hệ sở hữu.  - Quan hệ từ “bằng” nối những từ ngữ “bắp cày” với “gỗ tốt màu đen”  - “bắp cày” giữ chức vụ làm chủ ngữ; “gỗ tốt màu đen” giữ chức vụ làm vị ngữ trong câu.  - Em đã dùng quan hệ từ “bằng” để liên kết bộ phận chủ ngữ với vị ngữ trong câu.  - “như (1)” nối “vòng” với “hình cái cung”  + “ như (2) ” nối “hùng dũng” với “một chàng hiệp sĩ cổ đeo cung ra trận”  - Giữ chức vụ làm vị ngữ.  - Giữ chức vụ làm vị ngữ.  - Dùng để liên kết các từ của bộ phận vị ngữ và biểu thị quan hệ so sánh.  - HS nêu.  - HS đọc bài, xác định yêu cầu  - Các từ in đậm được dùng trong mỗi câu dưới đây biểu thị quan hệ gì.  - HS thảo luận nhóm đôi ghi kết quả vào vở bài tập.  - Đại diện nhóm báo cáo kết quả.  - Phần a: nhưng; phần b: mà; phần c. Nếu … thì…  - … được gọi là quan hệ từ.  - Dùng để nối những từ ngữ trong câu.  - Nhưng: Biểu thị quan hệ tương phản giữa việc làm (cứu voi khỏi bãi lầy) và kết quả của công việc (vô hiệu).  - Mà: Biểu thị quan hệ tương phản giữa đi tới ba nghìn thước và chim đậu trắng xóa.  - Những quan hệ từ nào cũng thể hiện quan hệ tương phản là:  + 1 QHT: tuy, dù, mặc dù…  + 1 cặp QHT: tuy … nhưng…; mặc dù…nhưng..; dù …nhưng…  - Đây là 1 cặp QHT.  - Nếu...thì: Biểu thị quan hệ điều kiện, giả thiết (hoa có ở trên cao)- kết quả (bầy ong cũng mang vào mật thơm).  - Những quan hệ từ nào cũng thể hiện quan hệ điều kiện, giả thiết - kết quả là:  + 1 QHT: nếu, hễ, giá, thì …  + 1 cặp QHT: nếu như … thì…; hễ mà … thì…; giá … thì…  - Nếu là 1 QHT thể hiện quan hệ tương phản thì nó nằm ở bộ phận vị ngữ còn nếu là 1 cặp QHT thì nó sẽ nằm ở đầu mỗi vế câu trong câu ghép.  - HS nêu.  - HS đọc thầm, nêu yêu cầu  - HS làm VBT. Chữa bảng phụ.  - Và  - Để nối thăm thẳm với nêu 2 sự kiện song song.  - Và, ở, của.  - QHT và, ở, của trong câu trên bạn dùng đã đúng nghĩa vì nó thể hiện chính xác mối quan hệ giữa các thành phần câu.  - Thì, thì  - QHT thì thể hiện mối liên hệ sở tại.  - Và, nhưng  - Đã thích hợp. QHT và nêu 2 sự kiện song song; QHT nhưng thể hiện mối liên hệ tương phản.  - HS nêu  - HS liên hệ.  - Đặt câu với các quan hệ từ : Mà, thì, bằng  - HS làm bài vào vở bài tập  - HS đọc câu văn của mình HS khác nhận xét, bổ sung.  - Bạn trình bày câu đúng hình thức. Đầu câu viết hoa cuối câu có dấu chấm.  - Nếu là 1 QHT thì thường đứng giữa chủ ngữ hoặc vị ngữ. Còn nếu là 1 cặp QHT thì thường đứng ở đầu mỗi vế của câu ghép.  - HS nêu  - HS nêu  - HS lắng nghe  - HS thực hiện . |

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………...

Tiết 5 **ĐỊA LÍ**

**Công nghiệp**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Biết nước ta có nhiều ngành công nghiệp và thủ công nghiệp: khai thác k/sản, luyện kim, cơ khí, làm gốm…

- Kể tên được sản phẩm của một số ngành CN và thủ công nghiệp.

- Sử dụng bảng thông tin để bước đầu nhận xét về cơ cấu công nghiệp.

- HS khá giỏi: nêu được đặc điểm của nghề thủ công truyền thống; nêu ngành CN và nghề thủ công ở địa phương; chỉ bản đồ những địa phương có hàng thủ công nổi tiếng.

**2. Năng lực:**

- Năng lực tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Biết vai trò của công nghiệp đối với đời sống của nhân dân ta.

- HS thấy được sự cần thiết của công nghiệp với đời sống của con người.

**3. Phẩm chất**

- Giáo dục HS tuyên truyền mọi người biết trân trọng sản phẩm công nghiệp và tôn trọng người công nhân.

- Giáo dục học sinh lòng yêu quê hương đất nước qua việc nắm rõ đặc điểm địa lý Việt Nam.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC** - Bản đồ hành chính Việt Nam.TV, MT.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)  - Mở video  - Nêu đ/kiện để phát triển ngành thuỷ sản ở nước ta?  - Nhận xét - GTB  **2. Hình thành kiến thức**  **HĐ1:** Làm việc theo cặp (15-18’)  - Yêu cầu thảo luận trả lời câu hỏi trang 91:  + Kể tên các ngành công nghiệp của nước ta?  + Kể tên SP của một số ngành công nghiệp?  - Quan sát tranh/91:  + Tranh thể hiện ngành công nghiệp gì?  + Ngành CN giúp gì cho đời sống của nhân dân?  \* Kết luận: nước ta có nhiều ngành công nghiệp, tạo ra nhiều mặt hàng ...  **HĐ2:** Làm việc cả lớp (13-15’)  + Kể tên một số nghề thủ công nổi tiếng ở nước ta?  + Nêu đặc điểm của nghề thủ công ở nước ta?  + Nghề thủ công có vai trò gì đối với đời sống?  - Thi tìm tên các địa phương có các sản phẩm thủ công nổi tiếng trên bản đồ.  - Địa phương em có những nghề thủ công nào?  \* Kết luận: nghề thủ công có vai trò rất lớn, tạo ra nhiều sản phẩm để sử dụng trong nước và xuất khẩu.  **3. Củng cố dặn dò** (1- 2’)  - Gọi HS nêu cảm nhận sau tiết học.  - Nhận xét chung giờ học.  - Về nhà học bài, chuẩn bị bài sau | - HS khởi động  - 2-3 H trả lời, nx  - Trao đổi nhóm đôi  - Đại diện t/bày  - Nhận xét, bổ sung  - Q/sát và trả lời, nx  - Nghe  - Trả lời theo dãy  - Chỉ bản đồ theo y/c  - Tự liên hệ  - Đọc KL trang 93.  - HS nêu  - HS lắng nghe  - HS thực hiện . |

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………...

Tiết 6 **TIẾNG VIỆT (BS)**

**Luyện Tiếng Việt**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Xác định đ­ược bài văn tả ngư­ời, nội dung của từng đoạn, những chi tiết tả ngoại hình, hoạt động trong đoạn.

- Viết đư­ợc bài văn tả ng­ười thể hiện khả năng quan sát và diễn đạt.

**2. Năng lực**: HS mạnh dạn tự tin khi thực hiện nhiệm vụ học tập và trình bày ý kiến; tích cực hoạt động và hợp tác với bạn trong nhóm; biết vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập; tự giải quyết vấn đề nhanh gọn và khoa học, đúng với yêu cầu đề bài.

**3. Phẩm chất:** Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Tiếng Việt.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**: TV, MT. Tranh ảnh một số hoạt động của một số người.

**2. Học sinh**: nháp.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)  - GV mở video  - Nêu cấu tạo của 1 bài văn tả ng­ười.  - Thân bài của bài văn tả ngư­ời cần tả những gì?  - Giới thiệu bài: Các em đã đ­ược học và biết cách viết đoạn văn tả ngoại hình, tả hoạt động hôm nay chúng ta luyện viết bài văn tả người.  **2. Luyện tập: (32 - 34').**  - GV đưa đề bài MH : Em hãy lập 1 dàn ý chi tiết tả một người thân mà em yêu quý nhất.  - Đọc thầm, xác định yêu cầu của bài.  - Bài yêu cầu gì?  - Người thân trong gia đình em là ai?  - Em định tả ai?  - GV hướng dẫn: Để lập được dàn ý chi tiết cho bài văn tả một người trong gia đình các em cần chú ý bám sát bố cục 3 phần của bài văn tả người mà các em đã được học. Đây là tả 1 người thân trong gia đình em vì vậy, các em cần chú ý đến những chi tiết về hình dáng cũng như hoạt động nổi bật của người thân, những đặc điểm riêng mà chỉ người thân mình mới có để làm nổi bật lên tính cách của người mình tả.  =>Muốn làm đ­ược việc đó các em cần  quan sát kĩ, chọn đ­ược những nét riêng biệt tiêu biểu về nghề nghiệp, công việc, hoàn cảnh sống, lứa tuổi....để tả cho phù hợp.  - Cho HS quan sát một vài hình ảnh và yêu cầu HS nêu tên các hoạt động trong từng hình ảnh.  - GV theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần)  - GV gọi HS trình bày bài,  - GV nhận xét  **3. Củng cố**, **dặn dò**: (2 - 4').  - Nêu cấu tạo của bài văn tả ngư­ời?  - Gọi HS nêu cảm nhận sau tiết học.  - Nhận xét chung giờ học.  - Về nhà học bài, chuẩn bị bài sau | - HS khởi động  - HS nêu.  - Tả hình dáng, tính tình, hoạt động của ng­ười đó.  - HS đọc  - Hs nêu  - HS nêu  - HS làm vở nháp  - HS đọc đoạn văn.  - HS khác nhận xét, bổ sung.  - HS nêu  - HS lắng nghe  - HS thực hiện . |

Tiết 7 **GIÁO DỤC** **TẬP THỂ**

**Sinh hoạt lớp**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Đánh giá các mặt hoạt động đã diễn ra trong tuần 12.

- Bàn biện pháp khắc phục những hạn chế của tuần này.

- Triển khai kế hoạch cho các hoạt động của tuần sau.

- Giúp HS nắm được và thực hiện đúng nội quy của HS trong nhà trường.

- HS có ý thức thực hiện đúng nội quy của HS trong nhà trường

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh |
| **1. Khởi động**:  **2. Sinh hoạt lớp**  ***a. Lớp trưởng gọi các tổ trưởng đánh giá các mặt hoạt động trong tuần :***  - GV Yêu cầu các tổ trưởng đánh giá hoạt động tuần qua.  - Yêu cầu HS nêu ý kiến. GV chốt.  - Nề nếp : *....................................................*  - Học tập : *...................................................*  - Các mặt hoạt động khác : *........................*  ***b. Lớp trưởng mời các tổ trưởng, cá nhân đưa ra một số HĐ của lớp trong tuần tới***  - Nề nếp  - Học tập  - Các mặt hoạt động khác .  ***c. GV chủ nhiệm nhận xét***  - Đánh giá hoạt động tuần qua:  - Biện pháp khắc phục những khuyết điểm.  - GV nhận xét, đánh giá: Tuyên dương, nhắc nhở  ***d. Bình bầu cá nhân, tổ xuất sắc: 3- 5’***  - Khen : *......................................................*  - Nhắc nhở: *................................................*  ***e. Hoạt động tuần tới:***  - YC các tổ thảo luận  - Đại diện HS  - Đưa lên màn hình  **1. Nề nếp:**  - Duy trì nề nếp tốt. Đi học đều và đúng giờ. Ôn bài đầu giờ có chất lượng.  - Lễ phép với thầy (cô) giáo và người lớn.  - Không nói tục, chửi bậy.  **2. Về học tập:**  - Không nói chuyện riêng trong giờ học.  - Cần tích cực xung phong phát biểu xây dựng bài, rèn chữ viết, trình bày bài khoa học.  - Học bài, làm bài và chuẩn bị đồ dùng đầy đủ. Tham gia thi TNTV, TNTT, Violimpic Toán , IOE Tiếng Anh qua mạng, … Rèn chữ viết, kĩ năng tính toán.  **3. Các hoạt động khác**  - Tham gia tích cực các phong trào: Rèn chữ, giữ vở. Văn nghệ chào mừng 20-11. Đôi bạn cùng tiến. Tích cực tập luyện TDTT tăng cường sức khỏe.  - Tích cực tham gia giữ vệ sinh trường, lớp sạch sẽ. Bỏ rác đúng nơi quy định. Không ăn quà vặt trong lớp. Xây dựng tủ sách lớp học.  **-** Đi đúng phần đường, đội mũ bảo hiểm khi ngồi trên xe máy, xe đạp điện.  **3. Hoạt động : Tổng kết tháng tri ân thầy cô**  - GV nêu YC  - Gọi lớp trưởng điều hành  - GV nhận xét  **4. Củng cố- Dặn dò:**  - HS chơi TC: Chuyền bóng  - Gọi HS nêu cảm nhận sau giờ học.  - Nhận xét chung giờ học.  - Về nhà học bài, chuẩn bị bàisau | - Ban cán sự lớp đánh giá hoạt động tuần qua.  - Ý kiến của HS trong lớp.  - Nề nếp :  - Học tập :  *-* Các hoạt động khác :  - Thực hiện  - Nề nếp  - Học tập  - Các mặt hoạt động khác .  - HS lắng nghe  - HS bình bầu.  - Nhận xét, bổ sung.  - HS mắc lỗi hứa sửa chữa.  - Các tổ thảo luận  - TT trình bày- Nhận xét.  - HS đọc.  - HS thực hiện.  - HS lắng nghe  - Đại diện các tổ báo cáo  - HS bổ sung.  - HS chơi  - HS nêu  - HS lắng nghe  - HS thực hiện |

**Thứ Sáu ngày 24 tháng 11 năm 2023**

Tiết 1  **TOÁN**

**Luyện tập chung**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**: Giúp học sinh.

- Củng cố về phép cộng, phép trừ và phép nhân các số thập phân.

- Biết vận dụng tính chất nhân 1 tổng (1 hiệu ) các số thập phân với 1 số thập phân vào thực hành.

- Củng cố về giải toán có lời văn có liên quan đến quan hệ tỉ lệ.

**2. Năng lực:** HS mạnh dạn tự tin khi thực hiện nhiệm vụ học tập và trình bày ý kiến; tích cực hoạt động và hợp tác với bạn trong nhóm; biết vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập; tự giải quyết vấn đề nhanh gọn và khoa học, đúng với yêu cầu đề bài.

**3. Phẩm chất**: Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Toán.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**GV:** Phấn màu,TV, MT, MS.

**HS**: Nháp, bảng con.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)  - GV mở video  - Tính: 12,6 x 2,34  - GV chữa bài, nhận xét.  => Muốn nhân 1 số thập phân với 1 số thập phân ta làm thế nào?  **2. Luyện tập** (32 - 34’)  a. Bài 1/62  - GV chữa bài, nhận xét.  => Nêu thứ tự thực hiện phép tính trong một biểu thức không có ngoặc đơn?  b. Bài 2/62  - GV chữa bài, nhận xét.  => Em đã vận dụng tính chất nào để tính bằng 2 cách?  - Nêu cách nhân1 tổng (1 hiệu) với 1 số?  c. Bài 3/62 phần b.  => Để làm đ­ược bài này em đã vận dụng những tính chất nào?  - Nêu cách nhân 1 số thập phân với 100; nhân 1 hiệu với 1 số?  - Dựa vào đâu em nêu đ­ược ngay giá trị của x?  - Nêu tính chất giao hoán của phép nhân?  d. Bài 4/62. Sửa giá tiền 60 000 đ thành 300 000 đ  - Bài toán hỏi gì?  - GV chấm, chữa bài.  **3. Củng cố, dặn dò**: (2 - 4').  - Em được ôn tập kiến thức gì qua bài học hôm nay?  - Nêu các tính chất của phép nhân mà em đã học? Phát biểu các tính chất đó?  - Gọi HS nêu cảm nhận sau tiết học.  - Nhận xét chung giờ học.  - Về nhà học bài, chuẩn bị bài sau | - HS khởi động  - HS làm bảng con.  - HS nêu  - HS đọc bài, nêu yêu cầu.  - HS làm bảng con.  - HS nêu  - HS đọc bài, nêu yêu cầu.  - HS làm vở nháp  - HS nêu  - HS nêu  - HS đọc bài, nêu yêu cầu.  - HS làm nháp phần b. (Dành cho HS tiếp thu nhanh phần còn lại)  - HS nêu  - HS nêu.  - Dựa vào tính chất nhân với 1 và tính chất giao hoán của phép nhân.  - HS nêu.  - HS đọc bài.  - Mua 6,8 m vải phải trả nhiều hơn bao nhiêu tiền  - HS làm vở, soi bài chia sẻ  \* Dự kiến câu hỏi chia sẻ của HS:  + Bài toán thuộc dạng toán gì? Bạn đã giải bằng cách nào?  + Phép tính nào thể hiện b­ước rút về đơn vị?  - HS nêu.  - HS nêu  - HS lắng nghe  - HS thực hiện. |

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………...

Tiết 3 **TẬP LÀM VĂN**

**Luyện tập tả người**

(Quan sát và chọn lọc chi tiết)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**: Giúp học sinh.

- Phát hiện những chi tiết tiêu biểu, đặc sắc về ngoại hình, hoạt động của nhân vật qua hai bài văn mẫu Bà tôi và Người thợ rèn.

- Biết cách khi quan sát hay viết một bài văn tả người phải chọn lọc để đưa vào bài những chi tiết nổi bật, gây ấn tượng.

- Vận dụng để ghi lại kết quả quan sát ngoại hình của một người thường gặp.

**2. Năng lực**: Rèn cho HS mạnh dạn, tự tin khi thực hiện nhiệm vụ học tập và trình bày ý kiến rõ ràng, ngắn gọn; biết phối hợp với bạn khi làm việc nhóm, biết chia sẻ, nhận xét, đánh giá kết quả bài làm của bạn

**3. Phẩm chất**: Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Tiếng Việt.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** TV, MT.

**2. Học sinh:** Vở bài tập

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của thầy | Hoạt động của trò |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)  - GV mở video  - Nêu cấu tạo của bài văn tả người?  - GV nhận xét.  - Giới thiệu bài: Tiết trước các em đã nắm được cấu tạo của bài văn tả người. Bài học hôm nay giúp các em biết cách chọn lọc những chi tiết nổi bật, gây ấn tượng của 1 người để viết được bài văn tả người hay, chân thực, sinh động.  **2. Hướng dẫn thực hành:** (32 - 34’)  \* Bài 1/122  - Yêu cầu HS quan sát tranh sgk/122 và cho biết Bức tranh vẽ cảnh gì?  => Cô cũng đồng ý với ý kiến của bạn. Vậy người bà trong tranh có những đặc điểm nổi bật gì về ngoại hình hãy đọc thầm chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu qua bài tập số 1.  - Đọc thầm, xác định yêu cầu của bài  - Bài có mấy yêu cầu?  - Thảo luận nhóm đôi ghi lại những chi tiết tả ngoại hình của người bà.  - Tác giả đã tả những đặc điểm ngoại hình nào của người bà?  - Đó là những đặc điểm ngoại hình như thế nào?  - Mái tóc của bà có đặc điểm gì?  - Đôi mắt của bà có gì đặc biệt?  - Bà có giọng nói như thế nào?  - Khuôn mặt của bà ra sao?  - Em có nhận xét gì về cách miêu tả ngoại hình của tác giả ?  => Tác giả đã ngắm bà rất kĩ, đã chọn lọc những chi tiết tiêu biểu về ngoại hình của bà để miêu tả. Bài văn vì thế ngắn gọn mà sống động, khắc họa rõ nét hình ảnh người bà của tác giả trong tâm trí bạn đọc, đồng thời bộc lộ tình yêu của cháu đối với bà qua từng lời.  \* Bài 2 /122  - Đọc bài, xác định yêu cầu của bài.  - Bài yêu cầu gì ?  - Những chi tiết tả người thợ rèn đang làm việc chính là phần nào của bài văn tả người?  - Thảo luận nhóm đôi ghi lại những chi tiết tả người thợ rèn đang làm việc.  - Nêu những chi tiết tả người thợ rèn đang làm việc?  - Nhờ đâu mà tác giả tả được những hoạt động ấy?  - Khi tả hoạt động của người thợ rèn tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?  - Tìm những câu văn có sử dụng biện pháp nghệ thuật so sánh?  - Những từ ngữ nào thể hiện sự nhân hóa có trong bài?  - Qua những chi tiết tả người thợ rèn đang làm việc em thấy anh thợ rèn là 1 người như thế nào?  - Em có nhận xét gì về cách miêu tả anh thợ rèn đang làm việc của tác giả ?  - Việc quan sát, chọn lọc chi tiết để tả người có tác dụng gì?  - Em có cảm giác gì khi đọc đoạn văn?  => Tác giả đã quan sát rất kĩ hoạt động của người thợ rèn; miêu tả quá trình thỏi thép hồng qua bàn tay anh đã biến thành 1 lưỡi rựa vạm vỡ, duyên dáng. Thỏi thép hồng được ví như 1 con cá bướng bỉnh, hung dữ; anh thợ rèn như 1 người chinh phục mạnh mẽ, quyết liệt. Người đọc bị cuốn hút bởi cách tả của tác giả. Bài văn hấp dẫn, sinh động hơn.  - Qua 2 bài văn em hãy cho biết để viết được bài văn tả người hấp dẫn, sống động không lan man dài dòng các em cần lưu ý gì điều gì?  => Khi quan sát để viết 1 bài văn tả người em cần lưu ý :  + Xác định mục đích rõ ràng để tập trung quan sát ngoại hình, hoạt động của nhân vật.  + Tập trung quan sát kĩ đối tượng định tả. Vận dụng nhiều giác quan để quan sát.  + Quan sát, chọn lọc để đưa vào bài những chi tiết tiêu biểu, nổi bật, gây ấn tượng.  + Khi viết cần kết hợp với nhận xét, liên tưởng, ví von… đồng thời kín đáo thể hiện cảm xúc của mình với nhân vật.  **3. Củng cố**, **dặn dò**:(2 - 4’)  - Khi viết bài văn tả người em cần lưu ý gì?  - Việc quan sát và chọn lọc chi tiết miêu tả có tác dụng gì?  - Gọi HS nêu cảm nhận sau tiết học.  - Nhận xét chung giờ học.  - Về nhà học bài, chuẩn bị bài sau. | - HS khởi động  - HS nêu  - HS lắng nghe.  - HS quan sát và trả lời: Vẽ cảnh 2 bà cháu đang ngồi và người bà đang chải đầu.  - HS đọc thầm, xác định yêu cầu  - 2 yêu cầu: Đọc bài văn và ghi lại đặc điểm ngoại hình của bà.  - HS TLN đôi (5’), làm VBT  - HS đại diện nhóm trình bày.  - Tác giả đã tả những đặc điểm ngoại hình: mái tóc, đôi mắt, giọng nói, khuôn mặt của bà.  - Đó là những đặc điểm ngoại hình tiêu biểu của người bà.  - Mái tóc đen và dày kì lạ phủ kín cả hai vai, xõa xuống ngực, xuống đầu gối.  - Đôi mắt: Khi bà mỉm cười 2 con ngươi đen sẩm nở ra, long lanh, dịu hiền khó tả, đôi mắt ánh lên những tia sáng ấm áp, tươi vui.  - Giọng nói trầm bổng, ngân nga như tiếng chuông. Nó khắc sâu vào trí nhớ tôi dễ dàng, và như đóa hoa, cũng dịu dàng, rực rỡ, đầy nhựa sống.  - Khuôn mặt: Đôi má ngăm ngăm đã có nhiều nếp nhăn, khuôn mặt của bà tôi hình như vẫn tươi trẻ.  - Tác giả quan sát bà rất kĩ, chọn lọc những chi tiết tiêu biểu về ngoại hình của bà để tả.  - HS đọc bài, xác định yêu cầu  - Đọc và ghi lại những chi tiết tả người thợ rèn đang làm việc.  - Những chi tiết tả người thợ rèn đang làm việc chính là phần tả hoạt động trong phần thân bài của bài văn tả người.  - Các nhóm thực hiện yêu cầu vào vở bài tập. (5’)  - Đại diện các nhóm trả lời.  - Bắt lấy thỏi thép hồng như bắt 1 con cá sống…bắt đầu một cuộc chinh phục mới.  - Nhờ tác giả quan sát kĩ quá trình làm việc của người thợ rèn và biết chọn lọc các chi tiết nổi bật.  - Khi tả hoạt động của người thợ rèn tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật so sánh và nhân hóa.  - Những câu văn có sử dụng biện pháp nghệ thuật so sánh là: Này đây, anh bắt lấy thỏi thép hồng như bắt lấy 1 con cá sống.  - Những từ ngữ nào thể hiện sự nhân hóa có trong bài là: vùng vẫy, quằn quại, giãy lên đành đạch…  - Rất khỏe mạnh, chăm chỉ, say mê với công việc.  - Tác giả đã quan sát rất kĩ từng hoạt động của người thợ rèn, biết chọn lọc chi tiết tiêu biểu.  - Việc quan sát, chọn lọc chi tiết để tả người có tác dụng:  + Tìm ra đặc điểm riêng biệt, tiêu biểu khi miêu tả sẽ làm cho đối tượng này không giống đối tượng khác.  + Bài viết sẽ hấp dẫn, không lan man dài dòng.  - Cảm giác như đang chứng kiến anh thợ rèn làm việc và thấy tò mò, thích thú.  - HS lắng nghe.  - Cần quan sát kĩ, miêu tả có chọn lọc những chi tiết tiêu biểu nhất về ngoại hình cũng như hoạt động của người đó.  - HS nêu  - HS nêu  - HS nêu  - HS lắng nghe  - HS thực hiện . |

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………………………………………………………………………...

Tiết 4 **KHOA HỌC**

**Đồng và hợp kim của đồng**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức kĩ, năng:** Sau bài học, học sinh có khả năng:

- Quan sát và phát hiện một vài tính chất của Đồng.

- Nêu một số tính chất của đồng và hợp kim của đồng.

- Kể tên một số dụng cụ, máy móc, đô dùng được làm bằng đồng hoặc hợp kim của đồng.

- Nêu cách bảo quản đồ dùng bằng đồng và hợp kim của đồng có trong GĐ.

\* GDBVMT: Nêu được đồng là những nguyên liệu quý và có hạn nên khai thác phải hợp lí và biết kết hợp bảo vệ môi trường.

**2. Năng lực:** Nhận thức thế giới tự nhiên, tìm tòi, khám phá TGTT, vận dụng kiến thức vào thực tiễn và ứng xử phù hợp với tự nhiên, con người.

**3. Phẩm chất:** Học sinh ham thích tìm hiểu khoa học, yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. GV**:Một vài đoạn dây đồng. Tranh ảnh. TV, MT.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)  - GV mở video  + Sắt có nguồn gốc từ đâu và có tính chất gì?  + Hợp kim của sắt là gì? Chúng có những tính chất nào?  + Gang, thép có ứng dụng gì trong đời sống?  - Giới thiệu bài:  **2. Hình thành kiến thức**  *a. Tính chất của đồng và hợp kim đồng*  HĐ 1: Làm việc với vật thật (8- 10')  \* Mục tiêu: Học sinh quan sát và phát hiện ra một vài tính chất của đồng.  \* Cách tiến hành:  Bước 1: Làm việc theo nhóm 4  - Quan sát các đoạn dây đồng đem đến  + Hãy mô tả màu sắc, độ sáng, tính cứng, tính dẻo của đoạn dây đồng?  + So sánh đoạn dây đồng với dây thép?  - Quan sát, giúp đỡ những nhóm gặp khó khăn  Bước 2: Làm việc cả lớp  \* Kết luận: Dây đồng có màu đỏ nâu, có ánh kim, không cứng bằng sắt, dẻo, dễ uốn, dễ dát mỏng hơn sắt.  HĐ 2:Làm việc với sách giáo khoa:(6- 8')  \*Mục tiêu: Học sinh nêu được tính chất của đồng và hợp kim của đồng.  \* Cách tiến hành:  Bước 1**:** Làm việc cá nhân  - Yêu cầu học sinh đọc thầm SGK và ghi lại câu trả lời vào vở bài tập  - Quan sát giúp đỡ học sinh  Bước 2: Chữa bài tập | | - HS khởi động  -...có trong thiên thạch, trong các quặng sắt , có tính dẻo ... |
| -... gang, thép.. |
| -... nồi, chảo, dao, kéo, cày, cuốc, ...  - Quan sát, thảo luận (2’)  -...màu đỏ nâu, có ánh kim, dẻo, dễ dát mỏng, có thể uốn...  -... thép cứng hơn, có màu khác ...  - Đọc thầm và làm bài tập |
|  | Đồng | Hợp kim của đồng |
| Tính chất | - Có màu đỏ, có ánh kim  - Dễ dát mỏng và kéo sợi  - Dẫn nhiệt và dẫn điện tốt | - Có màu nâu hoặc vàng, có ánh kim và cứng hơn đồng |
| \* Kết luận: Đồng là kim loại. đồng- thiếc, đồng- kẽm đều là hợp kim của đồng.  *b. Công dụng, cách bảo quản:**(8- 10')*  \* Mục tiêu: Thực hiện mục tiêu 3, 4.  \* Cách tiến hành:  - Y/c thảo luận lớp  + Chỉ và nói tên các đồ vật bằng đồng hoặc bằng hợp kim đồng SGK/ 51, 52? | | - Quan sát, chỉ: kèn, cồng, chiêng ...  - HS nêu | |
| + Kể tên những đồ dùng khác được làm bằng đồng hoặc hợp kim của đồng? | | -...trống đồng, dây quấn động cơ, thau đồng, chậu đồng ... | |
| + Nêu cách bảo quản những đồ dùng bằng đồng hoặc hợp kim của đồng?  *\* Kết luận:* Đồng được sử dụng vào làm đồ điện, dây điện ...  - Mục bạn cần biết trang 52/ SGK  **3. Củng cố, dặn dò** (2- 3')  - Sưu tầm thêm những tranh ảnh về các sản phẩm làm từ đồng và hợp kim của đồng.  - Gọi HS nêu cảm nhận sau tiết học.  - Nhận xét chung giờ học.  - Về nhà học bài, chuẩn bị bài sau | | -... dùng giẻ ẩm để lau chùi, dùng cẩn thận không bị méo ...  - 3 - 5 HS đọc.  - HS nêu  - HS lắng nghe  - HS thực hiện . | |

***\* Điều chỉnh sau bài dạy***

…………………………………...………………………………………………………………...

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_